

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG

Khóa học: 2017 cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 1546/QĐ-LTT-ĐT ngày 14/12/2019

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu	Cầu	01/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00068	0067/17C1-2019		
2	Nguyễn Duy	Cường	10/4/1999	Hung Yên	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Khá	CĐ00069	0068/17C1-2019		
3	Lê Phú	Duy	13/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Khá	CĐ00070	0069/17C1-2019		
4	Nguyễn Minh	Hải	25/7/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Khá	CĐ00071	0070/17C1-2019		
5	Lê Thanh	Hoài	15/7/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00072	0071/17C1-2019		
6	Trần Minh	Khanh	16/3/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00073	0074/17C1-2019		
7	Trần Quang	Khánh	18/4/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00074	0075/17C1-2019		
8	Nguyễn Bách	Khoa	22/02/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00075	0076/17C1-2019		
9	Nguyễn Trung	Kiên	30/9/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Khá	CĐ00076	0072/17C1-2019		
10	Trần Anh	Kiệt	21/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00077	0073/17C1-2019		
11	Trần Văn Quang	Linh	16/5/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00078	0077/17C1-2019		
12	Bùi Hiếu	Nghĩa	28/5/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00079	0078/17C1-2019		
13	Đỗ Bảo	Nghĩa	23/02/1999	Lâm Đồng	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00080	0079/17C1-2019		
14	Trần Văn	Phi	17/10/1999	Lâm Đồng	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00081	0080/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
15	Trần Thanh	Phúc	02/7/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00082	0081/17C1-2019		
16	Trương Vĩnh	Phúc	23/8/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00083	0082/17C1-2019		
17	Trần Văn	Sáng	09/01/1998	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00084	0083/17C1-2019		
18	Nguyễn Hữu	Thọ	10/9/1998	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00085	0087/17C1-2019		
19	Phạm Thanh	Toàn	07/3/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00086	0084/17C1-2019		
20	Bùi Hoàng	Tuấn	13/7/1998	Tp. Hồ chí minh	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Khá	CĐ00087	0085/17C1-2019		
21	Lê Mạnh	Tuấn	15/01/1999	Quảng Trị	Nam	Kinh	VN	Cơ điện tử	2019	Trung bình	CĐ00088	0086/17C1-2019		
22	Nguyễn Quốc	Anh	09/3/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00089	0088/17C1-2019		
23	Nguyễn Tấn	Bình	06/10/1997	An Giang	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00090	0089/17C1-2019		
24	Nguyễn Ngọc Triệu	Duy	13/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00091	0090/17C1-2019		
25	Lương Phước	Hoài	23/5/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00092	0091/17C1-2019		
26	Lê Phi	Hoàng	15/11/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00093	0092/17C1-2019		
27	Nguyễn Văn	Hoàng	05/6/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00094	0093/17C1-2019		
28	Lê Minh	Khang	31/12/1999	Gia Lai	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00095	0095/17C1-2019		
29	Nguyễn Tuấn	Kiệt	08/4/1998	Quảng Trị	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00096	0094/17C1-2019		
30	Trần Đại	Lâm	30/11/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00097	0096/17C1-2019		
31	Trương Hoàng	Lợi	06/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00098	0097/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
32	Lê Thiết	Minh	25/01/1993	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Khá	CĐ00099	0098/17C1-2019		
33	Trần Hồ	Nguyên	16/11/1996	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00100	0099/17C1-2019		
34	Đoàn Trung	Nhất	04/02/1999	Ninh thuận	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00101	0100/17C1-2019		
35	Trịnh Hoàng	Phúc	30/11/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00102	0101/17C1-2019		
36	Lê Văn	Quý	18/3/1998	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00103	0102/17C1-2019		
37	Võ Duy	Tâm	06/6/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00104	0103/17C1-2019		
38	Đồng Tấn	Thường	30/6/1998	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00105	0106/17C1-2019		
39	Hứa Minh	Tiến	16/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00106	0104/17C1-2019		
40	Phan Thanh	Tín	30/3/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00107	0105/17C1-2019		
41	Phan Trung	Trực	06/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00108	0107/17C1-2019		
42	Nguyễn Gia	Bảo	31/8/1999	Hà Nam	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00109	0108/17C1-2019		
43	Lê Hoàng	Chương	28/10/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00110	0112/17C1-2019		
44	Phạm Văn	Công	13/6/1998	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Khá	CĐ00111	0109/17C1-2019		
45	Nguyễn Văn	Cương	28/7/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00112	0110/17C1-2019		
46	Nguyễn Mạnh	Cường	08/11/1999	Ninh Bình	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00113	0111/17C1-2019		
47	Bùi Quang	Dự	11/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00114	0114/17C1-2019		
48	Nguyễn Hoàng Vũ	Dũng	27/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00115	0113/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
49	Quản Huy	Hoàng	17/5/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00116	0115/17C1-2019		
50	Võ Quang	Huy	26/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00117	0116/17C1-2019		
51	Nguyễn Hoàng	Khang	01/7/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00118	0118/17C1-2019		
52	Trần Nguyễn Anh	Khoa	08/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00119	0119/17C1-2019		
53	Võ Đông	Kiên	03/9/1996	Quảng Trị	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Khá	CĐ00120	0117/17C1-2019		
54	Trương Văn	Mau	21/4/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00121	0120/17C1-2019		
55	Phan Thanh	Nghị	04/4/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00122	0121/17C1-2019		
56	Trương Đức	Ngọc	26/11/1999	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00123	0122/17C1-2019		
57	Huỳnh Văn	Nguyễn	29/11/1998	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00124	0123/17C1-2019		
58	Trần Trí	Nguyễn	20/02/1998	Hậu Giang	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00125	0124/17C1-2019		
59	Phan Hoài	Nhon	07/02/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00126	0125/17C1-2019		
60	Khê Bích	Nhu	22/12/1998	Bình Thuận	Nam	Chăm	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00127	0126/17C1-2019		
61	Nguyễn Văn	Pháp	02/5/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00128	0127/17C1-2019		
62	Lê Vũ	Phong	24/10/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00129	0128/17C1-2019		
63	Võ Hoàng	Phúc	05/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00130	0129/17C1-2019		
64	Bùi Ngọc	Son	23/4/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Khá	CĐ00131	0130/17C1-2019		
65	Đặng Tuấn	Tài	01/6/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Khá	CĐ00132	0131/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
66	Nguyễn Văn	Tân	09/11/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00133	0132/17C1-2019		
67	Tô Khánh	Tân	24/10/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00134	0133/17C1-2019		
68	Nguyễn Hữu	Thắng	30/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00135	0138/17C1-2019		
69	Trần Thương	Thanh	25/12/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00136	0137/17C1-2019		
70	Phạm Hữu	Thông	07/6/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00137	0139/17C1-2019		
71	Phạm Thanh Quốc	Toàn	15/3/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00138	0134/17C1-2019		
72	Trần Quốc	Toàn	18/4/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00139	0135/17C1-2019		
73	Trương Đình	Trung	18/02/1998	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00140	0140/17C1-2019		
74	Trần Lê Quốc	Tuấn	06/01/1999	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00141	0136/17C1-2019		
75	Trần Ngọc Hoài	Vương	03/12/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00142	0141/17C1-2019		
76	Trương Văn	Yên	28/01/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00143	0142/17C1-2019		
77	Bùi Nguyễn Thái	Duy	10/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00144	0143/17C1-2019		
78	Trần Thái	Duy	24/3/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00145	0144/17C1-2019		
79	Đặng Văn	Hiếu	18/9/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00146	0145/17C1-2019		
80	Lê Trường	Lạc	14/01/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00147	0146/17C1-2019		
81	Nguyễn Duy	Tân	18/02/1995	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Khá	CĐ00148	0147/17C1-2019		
82	Nguyễn Văn	Tấn	08/11/1998	Hải Dương	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00149	0148/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
83	Bùi Văn	Thắng	04/6/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00150	0149/17C1-2019		
84	Đặng Quang	Trường	03/6/1999	Hà Nội	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00151	0150/17C1-2019		
85	Lê Minh	Tuấn	27/11/1999	Gia Lai	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Khá	CĐ00152	0151/17C1-2019		
86	Nguyễn Hùng	Vĩ	20/10/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00153	0152/17C1-2019		
87	Nguyễn Thành	Vinh	15/3/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00154	0153/17C1-2019		
88	Nguyễn Thanh	Bình	30/4/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Khá	CĐ00155	0154/17C1-2019		
89	Trần Tiến	Đạt	20/6/1999	Quảng Trị	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Khá	CĐ00156	0155/17C1-2019		
90	Nguyễn Tiến	Dũng	13/12/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00157	0156/17C1-2019		
91	Lê Hải	Dương	13/8/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00158	0157/17C1-2019		
92	Nguyễn Thái	Hưng	18/11/1993	Thái Bình	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Khá	CĐ00159	0158/17C1-2019		
93	Nguyễn Minh	Kha	24/3/1994	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Khá	CĐ00160	0159/17C1-2019		
94	Nguyễn Minh	Nhật	20/11/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00161	0160/17C1-2019		
95	Lưu Minh	Phụng	19/10/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00162	0161/17C1-2019		
96	Bùi Hữu	Phước	03/10/1999	Thái Bình	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00163	0162/17C1-2019		
97	Nguyễn Văn	Quyền	24/9/1999	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Khá	CĐ00164	0163/17C1-2019		
98	Nguyễn Công	Thành	17/12/1999	Thái Bình	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Khá	CĐ00165	0164/17C1-2019		
99	Phan Tấn	Thành	18/5/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00166	0165/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
100	Nguyễn Văn	Thọ	12/5/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Khá	CĐ00167	0166/17C1-2019		
101	Hà Quang	Toàn	16/02/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Điện công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00168	0167/17C1-2019		
102	Lê Đức	Anh	04/5/1998	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Khá	CĐ00169	0168/17C1-2019		
103	Lê Công	Chiến	29/11/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Khá	CĐ00170	0169/17C1-2019		
104	Nguyễn Hải	Đăng	06/9/1997	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00171	0170/17C1-2019		
105	Nguyễn Bảo	Điền	08/4/1999	Thái Bình	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00172	0171/17C1-2019		
106	Nguyễn Thị Thanh	Diệp	25/5/1999	Gia Lai	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00173	0172/17C1-2019		
107	Trịnh Văn	Đức	22/8/1999	Nam Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00174	0173/17C1-2019		
108	Phạm Văn	Dương	11/7/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00175	0174/17C1-2019		
109	Phạm Văn Tuấn	Em	03/10/1998	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00176	0175/17C1-2019		
110	Trần Quang	Huy	07/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00177	0176/17C1-2019		
111	Trần Vũ	Khoa	13/3/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00178	0177/17C1-2019		
112	Nguyễn Đình Phương	Nam	21/3/1999	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Khá	CĐ00179	0178/17C1-2019		
113	Nguyễn Minh	Nghĩa	08/8/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00180	0179/17C1-2019		
114	Mai Chức	Quyền	26/7/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00181	0180/17C1-2019		
115	Hồ Vinh	Son	20/11/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00182	0181/17C1-2019		
116	Nguyễn Văn	Tây	14/4/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00183	0182/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
117	Nguyễn Minh	Thái	07/3/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00184	0183/17C1-2019		
118	Nguyễn Đỗ Toàn	Thắng	15/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00185	0184/17C1-2019		
119	Dương Quang	Thiện	12/12/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00186	0185/17C1-2019		
120	Trần Thành	Thông	08/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00187	0186/17C1-2019		
121	Lê Trung	Tín	26/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00188	0187/17C1-2019		
122	Lê Xuân	Trãi	01/4/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00189	0188/17C1-2019		
123	Bùi Quốc	Trung	03/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00190	0189/17C1-2019		
124	Nguyễn Hoàng	Vũ	26/5/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00191	0190/17C1-2019		
125	Hoàng Quốc	Anh	10/12/1999	Nghệ An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00192	0191/17C1-2019		
126	Đỗ Quang	Duy	08/01/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00193	0192/17C1-2019		
127	Đặng Công	Hậu	09/9/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Khá	CĐ00194	0193/17C1-2019		
128	Lê Trương Kim	Hung	16/4/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00195	0194/17C1-2019		
129	Trần Hoàng Thanh	Huy	10/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00196	0195/17C1-2019		
130	Nguyễn Đăng	Khoa	04/12/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00197	0196/17C1-2019		
131	Trần Văn	Lâm	15/6/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00198	0197/17C1-2019		
132	Nguyễn Tấn	Lộc	16/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00199	0198/17C1-2019		
133	Trương Văn	Lợi	15/10/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00200	0199/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
134	Lê Công	Minh	04/4/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00201	0200/17C1-2019		
135	Nguyễn Trọng	Nghĩa	28/12/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00202	0201/17C1-2019		
136	Nguyễn Đức	Nghiêm	05/01/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00203	0202/17C1-2019		
137	Trần Thị Mỹ	Oanh	29/8/1999	Tiền Giang	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Khá	CĐ00204	0203/17C1-2019		
138	Đinh Thanh	Tâm	20/10/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00205	0204/17C1-2019		
139	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	25/11/1999	Tiền Giang	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Giỏi	CĐ00206	0205/17C1-2019		
140	Phạm Minh	Tín	01/11/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00207	0206/17C1-2019		
141	Cao Xuân	Trình	13/6/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00208	0207/17C1-2019		
142	Nguyễn Thanh Hoàng	Tuấn	13/5/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00209	0208/17C1-2019		
143	Nguyễn Văn	Tuân	10/3/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Khá	CĐ00210	0209/17C1-2019		
144	Châu Đình	Viễn	05/10/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Giỏi	CĐ00211	0210/17C1-2019		
145	Võ Trần Quốc	Việt	10/01/1998	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Giỏi	CĐ00212	0211/17C1-2019		
146	Nguyễn	Vũ	07/4/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00213	0212/17C1-2019		
147	Nguyễn Thanh	Xuân	12/4/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00214	0213/17C1-2019		
148	Trần Nguyễn Thế	Bảo	28/3/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00215	0214/17C1-2019		
149	Trần Ngọc	Chung	10/11/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Khá	CĐ00216	0215/17C1-2019		
150	Nguyễn Quốc	Công	20/01/1999	Khánh Hoà	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Khá	CĐ00217	0216/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
151	Nguyễn Quốc	Em	16/02/1999	Bạc Liêu	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Khá	CĐ00218	0217/17C1-2019		
152	Hín Đức	Phương	01/8/1996	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00219	0218/17C1-2019		
153	Nguyễn Hữu	Thắng	28/11/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00220	0219/17C1-2019		
154	Nguyễn Bảo Hoàng	Thanh	14/5/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Khá	CĐ00221	0220/17C1-2019		
155	Trần Quý	Trung	18/4/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Khá	CĐ00222	0221/17C1-2019		
156	Đình Hùng	Dương	09/01/1995	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Khá	CĐ00223	0222/17C1-2019		
157	Huỳnh Đức	Huyền	31/10/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00224	0223/17C1-2019		
158	Lê Trung	Kiên	12/6/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00225	0224/17C1-2019		
159	Trần Văn	Tân	22/12/1994	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Khá	CĐ00226	0225/17C1-2019		
160	Bùi Văn	Thì	27/01/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Trung bình	CĐ00227	0226/17C1-2019		
161	Hồ Văn	Vũ	19/11/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2019	Khá	CĐ00228	0227/17C1-2019		
162	Lê Tuấn	An	15/3/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Giỏi	CĐ00229	0228/17C1-2019		
163	Nguyễn Văn	Âu	16/12/1991	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Khá	CĐ00230	0229/17C1-2019		
164	Lê Thành Huỳnh	Đức	10/7/1999	Thanh Hoá	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00231	0230/17C1-2019		
165	Lê Phước	Duy	29/4/1999	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Khá	CĐ00232	0231/17C1-2019		
166	Nguyễn Bá	Hà	20/02/1999	Nghệ An	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00233	0232/17C1-2019		
167	Trịnh Trung	Hậu	10/11/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Khá	CĐ00234	0233/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
168	Huỳnh Lê Hữu	Hiếu	14/02/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Khá	CĐ00235	0234/17C1-2019		
169	Võ Minh	Hiếu	20/01/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00236	0235/17C1-2019		
170	Nguyễn Tấn	Hòa	27/3/1998	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00237	0236/17C1-2019		
171	Nguyễn Chí	Linh	20/11/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00238	0237/17C1-2019		
172	Huỳnh Hoàng	Nhật	11/8/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00239	0238/17C1-2019		
173	Phan Linh	Tâm	13/11/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00240	0239/17C1-2019		
174	Vũ Trần Minh	Tâm	01/12/1997	Nghệ An	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00241	0240/17C1-2019		
175	Phan Gia	Thịnh	22/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Khá	CĐ00242	0241/17C1-2019		
176	Đỗ Nguyễn Mạnh	Thống	03/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00243	0242/17C1-2019		
177	Trần Nguyễn Hữu	Thức	30/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00244	0243/17C1-2019		
178	Lê Văn	Tuấn	15/4/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Điện tử công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00245	0244/17C1-2019		
179	Nguyễn Quốc	Anh	13/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00246	0245/17C1-2019		
180	Hồ Gia	Bảo	23/9/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00247	0246/17C1-2019		
181	Đỗ Mạnh	Đức	03/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00248	0247/17C1-2019		
182	Trần Ngọc	Hải	05/11/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Khá	CĐ00249	0248/17C1-2019		
183	Vy Kim	Hải	19/6/1998	Bắc Giang	Nam	Tày	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00250	0249/17C1-2019		
184	Nguyễn Huy	Hoàng	07/9/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00251	0250/17C1-2019		
185	Lê Minh	Hưng	24/4/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00252	0251/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghệp	Xếp loại Tốt nghệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
186	Trần Đức	Huy	29/10/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00253	0252/17C1-2019		
187	Nguyễn Hồng	Huỳnh	17/7/1997	Nghệ An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00254	0253/17C1-2019		
188	Nguyễn Duy	Khang	24/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00255	0254/17C1-2019		
189	Nguyễn Quốc	Khánh	02/4/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00256	0255/17C1-2019		
190	Nguyễn Anh	Khoa	20/4/1999	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00257	0256/17C1-2019		
191	Lê Trung	Kiên	15/3/1999	Thái Bình	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Khá	CĐ00258	0257/17C1-2019		
192	Lê Hoàng	Nam	21/3/1996	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00259	0258/17C1-2019		
193	Tổng Hoàn	Nghĩa	22/3/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00260	0259/17C1-2019		
194	Lưu Trần	Nhật	20/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00261	0260/17C1-2019		
195	Nguyễn Hoàng	Phú	05/9/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00262	0261/17C1-2019		
196	Lê Văn	Phúc	30/11/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Khá	CĐ00263	0262/17C1-2019		
197	Đàm Ngọc	Quý	27/01/1999	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00264	0263/17C1-2019		
198	Hồ Sĩ	Sang	03/01/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00265	0264/17C1-2019		
199	Đặng Ngọc	Son	03/10/1998	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Khá	CĐ00266	0265/17C1-2019		
200	Lê Đức	Thạch	16/10/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00267	0266/17C1-2019		
201	Nguyễn Hữu	Thời	27/7/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00268	0267/17C1-2019		
202	Nguyễn Duy	Tiến	19/01/1996	Đắk Lắk	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00269	0268/17C1-2019		
203	Lê Công Ngọc	Vũ	25/6/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2019	Trung bình	CĐ00270	0269/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
204	Trần Thái	Bình	31/7/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Khá	CĐ00271	0270/17C1-2019		
205	Nguyễn Thành	Đạt	24/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Khá	CĐ00272	0271/17C1-2019		
206	Nguyễn Văn	Đạt	16/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Trung bình	CĐ00273	0272/17C1-2019		
207	Ngô Gia Việt	Đức	22/4/1999	Lâm Đồng	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Trung bình	CĐ00274	0273/17C1-2019		
208	Nguyễn Văn	Hùng	07/5/1999	Quảng Trị	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Khá	CĐ00275	0274/17C1-2019		
209	Huỳnh Thanh	Huy	03/10/1999	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Trung bình	CĐ00276	0275/17C1-2019		
210	Bùi Văn	Huynh	01/5/1999	Nghệ An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Khá	CĐ00277	0276/17C1-2019		
211	Trịnh Quang	Khánh	06/3/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Khá	CĐ00278	0277/17C1-2019		
212	Phan Văn	Kiên	22/02/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Trung bình	CĐ00279	0278/17C1-2019		
213	Hà Bình Ngọc	Lân	13/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Giỏi	CĐ00280	0279/17C1-2019		
214	Huỳnh Tấn	Lộc	25/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Khá	CĐ00281	0280/17C1-2019		
215	Đào Tấn	Lượng	01/11/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Khá	CĐ00282	0281/17C1-2019		
216	Nguyễn Thành	Nam	08/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Khá	CĐ00283	0282/17C1-2019		
217	Phạm Văn	Nghĩa	10/01/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Trung bình	CĐ00284	0283/17C1-2019		
218	Nguyễn Văn	Phát	15/10/1997	Bạc Liêu	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Trung bình	CĐ00285	0284/17C1-2019		
219	Nguyễn Trọng	Phi	06/7/1999	Nghệ An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Trung bình	CĐ00286	0285/17C1-2019		
220	Phan Chế	Phong	07/6/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Khá	CĐ00287	0286/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
221	Vô Tấn	Phong	31/3/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Giỏi	CĐ00288	0287/17C1-2019		
222	Trần Đình	Sơn	16/11/1996	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Khá	CĐ00289	0288/17C1-2019		
223	Lê Minh	Tân	26/6/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Khá	CĐ00290	0289/17C1-2019		
224	Lê Minh	Tân	21/6/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Trung bình	CĐ00291	0290/17C1-2019		
225	Võ Thanh	Trà	13/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Khá	CĐ00292	0291/17C1-2019		
226	Trần Quang	Trường	29/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Trung bình	CĐ00293	0292/17C1-2019		
227	Nguyễn Minh	Tuấn	12/02/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2019	Trung bình	CĐ00294	0293/17C1-2019		
228	Nguyễn Văn	Châu	10/01/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00295	0294/17C1-2019		
229	Đặng Đình	Cường	06/5/1998	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00296	0295/17C1-2019		
230	Nguyễn Sỹ	Hùng	20/4/1998	Thanh Hoá	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00297	0296/17C1-2019		
231	Nguyễn Đình	Huy	01/9/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00298	0297/17C1-2019		
232	Phạm Thanh	Huyền	12/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00299	0298/17C1-2019		
233	Lương Tuấn	Khang	01/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Khá	CĐ00300	0299/17C1-2019		
234	Trần Văn	Kiệt	01/6/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Khá	CĐ00301	0300/17C1-2019		
235	Lại Cao	Linh	27/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00302	0301/17C1-2019		
236	Hoàng Nguyễn Đình	Lộc	14/5/1999	Bắc Ninh	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Khá	CĐ00303	0302/17C1-2019		
237	Nguyễn Tấn	Lộc	13/8/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00304	0303/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
238	Trần Tấn	Lợi	03/5/1999	Bạc Liêu	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Khá	CĐ00305	0304/17C1-2019		
239	Huỳnh Hoàng Công	Minh	31/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00306	0305/17C1-2019		
240	Nguyễn Chí	Minh	11/3/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00307	0306/17C1-2019		
241	Đặng Đình	Nguyên	09/8/1999	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00308	0307/17C1-2019		
242	Chu Văn	Nhí	19/8/1999	Hà Nội	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00309	0308/17C1-2019		
243	Phan Phú	Sang	25/02/1998	Kiên Giang	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00310	0309/17C1-2019		
244	Đặng Văn	Sĩ	27/5/1999	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00311	0310/17C1-2019		
245	Trần Tấn	Tài	02/02/1998	Bạc Liêu	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00312	0311/17C1-2019		
246	Lê Hồng	Tâm	16/3/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00313	0312/17C1-2019		
247	Nguyễn Hồng	Thái	23/5/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00314	0313/17C1-2019		
248	Đào Thanh	Tiền	12/7/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00315	0314/17C1-2019		
249	Pi Năng Na	Tra	01/4/1999	Ninh Thuận	Nam	Cơ Ho	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00316	0315/17C1-2019		
250	Phạm Đức	Trận	26/7/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00317	0316/17C1-2019		
251	Nguyễn Chí	Tường	05/12/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00318	0317/17C1-2019		
252	Võ Minh	Tuấn	01/7/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Khá	CĐ00319	0318/17C1-2019		
253	Ngô Đan	Trường	28/10/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00320	0319/17C1-2019		
254	Lưu Văn	Viên	27/9/1999	Bắc Ninh	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00321	0320/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
255	Nguyễn Minh	Hiếu	16/01/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00322	0321/17C1-2019		
256	Nguyễn Hồng	Quyết	30/12/1993	Nghệ An	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00323	0322/17C1-2019		
257	Dương Đoàn Minh	Tâm	01/3/1998	Hà Nam	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00324	0323/17C1-2019		
258	Trần Văn	Thịnh	01/02/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00325	0324/17C1-2019		
259	Phạm Văn	Thọ	06/3/1998	Nam Định	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Khá	CĐ00326	0325/17C1-2019		
260	Lê Minh	Tiến	29/4/1999	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2019	Trung bình	CĐ00327	0326/17C1-2019		
261	Đặng Khắc	Điệp	29/8/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Khá	CĐ00328	0327/17C1-2019		
262	Lê Trung	Dũng	26/6/1999	Ninh Bình	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Khá	CĐ00329	0328/17C1-2019		
263	Nguyễn Tuấn	Duy	15/7/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Khá	CĐ00330	0329/17C1-2019		
264	Huỳnh Văn	Giáo	07/02/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Khá	CĐ00331	0330/17C1-2019		
265	Hách Anh	Hào	11/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Khá	CĐ00332	0331/17C1-2019		
266	Phạm Hữu	Hậu	03/12/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Khá	CĐ00333	0332/17C1-2019		
267	Nguyễn Hoàng	Huy	27/02/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00334	0333/17C1-2019		
268	Nguyễn Minh	Huy	29/3/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00335	0334/17C1-2019		
269	Đỗ Hoài	Luân	19/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Khá	CĐ00336	0335/17C1-2019		
270	Bùi Tấn	Lực	02/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Khá	CĐ00337	0336/17C1-2019		
271	Vũ Văn	Nam	20/6/1999	Nam Định	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Khá	CĐ00338	0337/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
272	Phạm Hoàng	Ngọc	27/6/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00339	0338/17C1-2019		
273	Nguyễn Tấn	Phát	28/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00340	0339/17C1-2019		
274	Vây Kiệt	Thành	09/11/1999	Quảng Ninh	Nam	Hoa	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00341	0340/17C1-2019		
275	Lê Sĩ	Thuần	08/9/1999	Hà Nội	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Khá	CĐ00342	0341/17C1-2019		
276	Nguyễn	Thường	25/11/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00343	0342/17C1-2019		
277	Nguyễn Trần Thanh	Duy	12/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00344	0343/17C1-2019		
278	Nguyễn Đức	Huy	27/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00345	0344/17C1-2019		
279	Trần Kim	Huy	31/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Khá	CĐ00346	0345/17C1-2019		
280	Nguyễn Duy	Khang	29/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Khá	CĐ00347	0346/17C1-2019		
281	Giang Văn	Khôi	22/02/1998	Hung Yên	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00348	0347/17C1-2019		
282	Hoàng Quang	Linh	16/9/1999	Quảng Trị	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00349	0348/17C1-2019		
283	Nguyễn Tiến	Mạnh	11/02/1999	Hải Phòng	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Khá	CĐ00350	0349/17C1-2019		
284	Võ Văn Nhựt	Minh	13/9/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00351	0350/17C1-2019		
285	Nguyễn Phú	Quốc	07/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00352	0351/17C1-2019		
286	Dương Đức	Thắng	25/9/1999	Hà Nội	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00353	0352/17C1-2019		
287	Nguyễn Trung	Tiến	31/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00354	0353/17C1-2019		
288	Hồ Ngọc	Triệu	08/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2019	Trung bình	CĐ00355	0354/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
289	Bùi Văn	Chính	31/10/1999	Hà Nội	Nam	Mường	VN	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00356	0355/17C1-2019		
290	Trần Anh	Duy	21/6/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	2019	Khá	CĐ00357	0356/17C1-2019		
291	Phan Thanh	Hữu	17/12/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00358	0357/17C1-2019		
292	Tô Anh	Kiệt	16/9/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00359	0358/17C1-2019		
293	Lê Khắc	Lợi	20/01/1999	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00360	0359/17C1-2019		
294	Trần Công	Minh	25/6/1999	Khánh Hoà	Nam	Kinh	VN	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00361	0360/17C1-2019		
295	Nguyễn Trọng	Nghĩa	30/8/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	2019	Trung bình	CĐ00362	0361/17C1-2019		
296	Nguyễn Văn	Thông	10/3/1999	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	2019	Khá	CĐ00363	0362/17C1-2019		
297	Trần Nguyễn Khánh	Băng	29/4/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00364	0363/17C1-2019		
298	Phạm Công	Bằng	12/9/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00365	0364/17C1-2019		
299	Đặng Phương Thành	Bảo	10/11/1997	Lâm Đồng	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00366	0365/17C1-2019		
300	Hoàng Văn	Chung	20/3/1999	Thanh Hoá	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00367	0366/17C1-2019		
301	Nguyễn Thành	Công	16/7/1991	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00368	0367/17C1-2019		
302	Lê Hoài	Duy	26/12/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00369	0368/17C1-2019		
303	Nguyễn Lê Chí	Hiếu	24/3/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00370	0369/17C1-2019		
304	Huỳnh Văn	Hoàn	02/02/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00371	0370/17C1-2019		
305	Trần Quang	Huy	26/7/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00372	0371/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
306	Phan Hữu	Luận	03/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00373	0372/17C1-2019		
307	Khuru Hoàng Minh	Lực	06/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00374	0373/17C1-2019		
308	Trần Minh	Phi	06/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00375	0374/17C1-2019		
309	Lê Phát	Quang	03/7/1996	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00376	0375/17C1-2019		
310	Phạm Đăng	Sơn	09/5/1999	Hải Dương	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00377	0376/17C1-2019		
311	Nguyễn Thanh	Tâm	31/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00378	0377/17C1-2019		
312	Vũ Xuân	Thắng	23/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00379	0378/17C1-2019		
313	Lương Tấn	Thông	08/02/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00380	0379/17C1-2019		
314	Lê Trọng	Tín	24/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00381	0380/17C1-2019		
315	Phạm Văn	Tĩnh	14/6/1997	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00382	0381/17C1-2019		
316	Phạm Thanh	Toàn	10/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00383	0382/17C1-2019		
317	Trương Thị	Trang	20/3/1993	Ninh Thuận	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00384	0383/17C1-2019		
318	Phạm Văn	Trẻ	19/11/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00385	0384/17C1-2019		
319	Bùi Minh	Trí	02/4/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00386	0385/17C1-2019		
320	Nguyễn Thanh	Tú	24/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00387	0386/17C1-2019		
321	Lê Thanh	Tùng	16/10/1999	Đắk Lắk	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00388	0387/17C1-2019		
322	Nguyễn Hữu	Đỉnh	10/10/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00389	0388/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
323	Lê Khánh	Hòa	30/10/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00390	0389/17C1-2019		
324	Đinh Thiên	Hoàng	26/9/1998	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00391	0390/17C1-2019		
325	Trần Huy	Hoàng	07/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00392	0391/17C1-2019		
326	Nguyễn Minh	Hùng	02/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00393	0392/17C1-2019		
327	Phạm Thế	Huy	10/10/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00394	0393/17C1-2019		
328	Hồ Duy	Khánh	25/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00395	0394/17C1-2019		
329	Nguyễn Văn	Kiệt	30/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00396	0395/17C1-2019		
330	Trần Minh	Lâm	02/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00397	0396/17C1-2019		
331	Đặng Hồ	Phong	02/3/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00398	0397/17C1-2019		
332	Nguyễn Bùi Hữu	Phúc	06/9/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00399	0398/17C1-2019		
333	Võ Vũ Hồng	Phúc	02/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00400	0399/17C1-2019		
334	Nguyễn Minh	Sang	22/8/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00401	0400/17C1-2019		
335	Phạm Ngọc	Sơn	13/11/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00402	0401/17C1-2019		
336	Trần Cao	Sơn	09/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00403	0402/17C1-2019		
337	Nguyễn Tấn	Tài	17/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00404	0403/17C1-2019		
338	Hồ Khánh	Tân	01/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00405	0404/17C1-2019		
339	Trương Phát Đạt	Thanh	17/3/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00406	0405/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
340	Hồ Thiên	Thịnh	10/11/1993	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00407	0406/17C1-2019		
341	Lê Nhất	Trí	10/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00408	0407/17C1-2019		
342	Trần Minh	Tú	16/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00409	0408/17C1-2019		
343	Nguyễn Hoàng Việt	Tùng	19/4/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00410	0409/17C1-2019		
344	Lê Đại	Vũ	27/4/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00411	0410/17C1-2019		
345	Hồ Ngọc	Ẩn	07/3/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00412	0411/17C1-2019		
346	Phạm Hữu	Duẩn	25/6/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00413	0412/17C1-2019		
347	Châu Văn	Hải	11/4/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00414	0413/17C1-2019		
348	Trần Ngọc	Hải	08/8/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00415	0414/17C1-2019		
349	Nguyễn Chí	Hiếu	10/6/1999	Phú yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00416	0415/17C1-2019		
350	Trương Khải	Huy	09/12/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00417	0416/17C1-2019		
351	Võ Duy	Lâm	19/3/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00418	0417/17C1-2019		
352	Phạm Nhật	Linh	18/5/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00419	0418/17C1-2019		
353	Nguyễn Quang	Lĩnh	11/7/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00420	0419/17C1-2019		
354	Võ Hoàng	Long	13/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00421	0420/17C1-2019		
355	Nguyễn Thành	Luân	16/4/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00422	0421/17C1-2019		
356	Huỳnh Khả	Phúc	04/02/1998	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00423	0422/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
357	Lê Minh	Phúc	12/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00424	0423/17C1-2019		
358	Nguyễn Minh	Phước	07/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00425	0424/17C1-2019		
359	Bùi Văn	Quyền	25/01/1999	Thanh Hoá	Nam	Mường	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00426	0425/17C1-2019		
360	Nguyễn Minh	Si	22/9/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00427	0426/17C1-2019		
361	Nguyễn Văn	Sơn	03/12/1999	Lâm Đồng	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00428	0427/17C1-2019		
362	Lê Văn	Thắng	16/5/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00429	0428/17C1-2019		
363	Ngô Hoài	Thanh	26/10/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00430	0429/17C1-2019		
364	Nguyễn Phi	Trường	01/12/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00431	0430/17C1-2019		
365	Hoàng Quốc	Vương	19/01/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00432	0431/17C1-2019		
366	Nguyễn Ngọc Huế	Anh	16/4/1999	Trà Vinh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00433	0432/17C1-2019		
367	Ngô Thanh	Chiến	21/9/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00434	0433/17C1-2019		
368	Nguyễn Văn	Chung	16/02/1999	Hưng Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00435	0434/17C1-2019		
369	Lộc Nhật	Cường	08/8/1996	Bình Thuận	Nam	Nùng	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00436	0435/17C1-2019		
370	Đặng Thành	Được	01/01/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00437	0436/17C1-2019		
371	Phan Thanh	Hải	25/3/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00438	0437/17C1-2019		
372	Đào Hồng	Hào	02/6/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00439	0438/17C1-2019		
373	Nguyễn Văn	Hoàng	11/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00440	0439/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
374	Võ Minh	Hoàng	25/10/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00441	0440/17C1-2019		
375	Trần Đăng	Khoa	10/01/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00442	0441/17C1-2019		
376	Đoàn Duy	Linh	13/6/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00443	0442/17C1-2019		
377	Nguyễn Văn	Lộc	31/8/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00444	0443/17C1-2019		
378	Nguyễn Đạt	Nguyên	29/6/1998	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00445	0444/17C1-2019		
379	Đình Thanh	Phong	27/8/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00446	0445/17C1-2019		
380	Võ Quang	Quy	30/5/1995	Khánh Hoà	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00447	0446/17C1-2019		
381	Phạm Tấn	Tài	17/02/1998	Kiên Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00448	0447/17C1-2019		
382	Huỳnh Minh	Tâm	19/02/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00449	0448/17C1-2019		
383	Nguyễn Hữu	Thoại	23/01/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00450	0449/17C1-2019		
384	Quảng Thiên	Thuận	15/9/1997	Ninh Thuận	Nam	Chăm	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00451	0450/17C1-2019		
385	Trịnh Trung	Tín	26/10/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00452	0451/17C1-2019		
386	Huỳnh Bùi Đức	Trọng	19/9/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00453	0452/17C1-2019		
387	Trịnh Hồng	Trương	15/8/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00454	0453/17C1-2019		
388	Đới Sỹ	Tý	05/11/1996	Thanh Hoá	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00455	0454/17C1-2019		
389	Phan Đình	Văn	11/12/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00456	0455/17C1-2019		
390	Nguyễn Quốc	Cường	23/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00457	0456/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
391	Nguyễn Phan Thanh	Nhân	12/4/1999	Bình Dương	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00458	0457/17C1-2019		
392	Nguyễn Xuân	Tâm	12/6/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00459	0458/17C1-2019		
393	Phạm Quốc	Trung	10/11/1999	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00460	0459/17C1-2019		
394	Nguyễn Ngọc Minh	Truyền	15/11/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00461	0460/17C1-2019		
395	Đoàn Ngọc	Tuấn	10/02/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00462	0461/17C1-2019		
396	Nguyễn Hoàng	Tuấn	27/5/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00463	0462/17C1-2019		
397	Hồ Anh	Vũ	18/01/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00464	0463/17C1-2019		
398	Nguyễn Hoài	Bảo	11/9/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00465	0464/17C1-2019		
399	Nguyễn Văn	Bảo	09/3/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00466	0465/17C1-2019		
400	Nguyễn Bảo	Chiêu	07/3/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00467	0466/17C1-2019		
401	Trần Văn	Công	10/8/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00468	0467/17C1-2019		
402	Võ Văn	Đức	11/8/1998	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00469	0468/17C1-2019		
403	Lâm Quang	Hiếu	10/10/1998	Bình Thuận	Nam	Chăm	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00470	0469/17C1-2019		
404	Nguyễn Bách	Huy	20/3/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00471	0470/17C1-2019		
405	Nguyễn Trung	Kiên	23/3/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00472	0471/17C1-2019		
406	Bùi Anh	Khoa	30/10/1999	Thái Bình	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00473	0472/17C1-2019		
407	Huỳnh Cảnh	Lâm	02/3/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00474	0473/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
408	Bùi Hoàng	Long	05/9/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00475	0474/17C1-2019		
409	Nguyễn Công	Minh	01/9/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00476	0475/17C1-2019		
410	Nông Ngọc	Phúc	17/11/1999	Tây Ninh	Nam	Mèo	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00477	0476/17C1-2019		
411	Phạm Phú	Phúc	01/3/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00478	0477/17C1-2019		
412	Trần Thanh	Sơn	31/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00479	0478/17C1-2019		
413	Lê Văn Chí	Tâm	16/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00480	0479/17C1-2019		
414	Nguyễn Quốc	Thắng	27/02/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00481	0480/17C1-2019		
415	Lê Tấn	Thành	13/9/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00482	0481/17C1-2019		
416	Mai Đình	Thọ	08/3/1999	Thanh Hoá	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00483	0482/17C1-2019		
417	Lý Anh	Thư	27/4/1999	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00484	0483/17C1-2019		
418	Trần Lê Minh	Tiến	22/01/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00485	0484/17C1-2019		
419	Võ Minh	Triết	14/10/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00486	0485/17C1-2019		
420	Nguyễn Tấn	Hào	20/10/1999	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00487	0486/17C1-2019		
421	Trương Ninh	Hồ	26/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00488	0487/17C1-2019		
422	Vi Tựu	Kiên	28/02/1999	Nghệ An	Nam	Thái	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00489	0488/17C1-2019		
423	Trần Nhựt	Linh	21/12/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00490	0489/17C1-2019		
424	Trương Thanh	Nhà	09/4/1995	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00491	0490/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
425	Nguyễn Trọng	Nhân	20/3/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00492	0491/17C1-2019		
426	Huỳnh Hữu	Phúc	27/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00493	0492/17C1-2019		
427	Nguyễn Thanh	Sang	20/10/1990	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00494	0493/17C1-2019		
428	Võ Trọng	Thiết	02/01/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00495	0494/17C1-2019		
429	Lê Trung	Trọng	05/10/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00496	0495/17C1-2019		
430	Đoàn Nhật	Tuấn	15/6/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00497	0496/17C1-2019		
431	Đinh Hoàng	Vinh	11/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00498	0497/17C1-2019		
432	Phạm Trường	An	28/4/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00499	0498/17C1-2019		
433	Đặng	Cường	04/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00500	0499/17C1-2019		
434	Phan Bá	Hiếu	10/9/1999	Nghệ An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00501	0500/17C1-2019		
435	Đỗ Huy	Hoàng	09/11/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00502	0501/17C1-2019		
436	Nguyễn Văn	Lượng	20/5/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00503	0502/17C1-2019		
437	Nguyễn Văn	Nhật	16/4/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00504	0503/17C1-2019		
438	Phạm Thanh	Phúc	25/6/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00505	0504/17C1-2019		
439	Lê Thanh	Phương	26/3/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00506	0505/17C1-2019		
440	Đặng Thái	Quý	11/11/1998	Nam Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00507	0506/17C1-2019		
441	Đinh Thanh	Sơn	18/10/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00508	0507/17C1-2019		
442	Nguyễn Hoàng	Thái	10/5/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00509	0508/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
443	Phan Ngọc	Toàn	10/02/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Khá	CĐ00510	0509/17C1-2019		
444	Trương Hoàng	Toàn	02/9/1999	An giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00511	0510/17C1-2019		
445	Nguyễn Ngọc	Tri	27/10/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00512	0511/17C1-2019		
446	Phạm Hoàng	Trung	20/4/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00513	0512/17C1-2019		
447	Nguyễn Thanh	Tuấn	25/7/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2019	Trung bình	CĐ00514	0513/17C1-2019		
448	Đàm Quốc	Bảo	26/9/1999	Nam Định	Nam	Kinh	VN	Cắt gọt kim loại	2019	Khá	CĐ00515	0514/17C1-2019		
449	Nguyễn Trường	Kỳ	20/5/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Cắt gọt kim loại	2019	Trung bình	CĐ00516	0515/17C1-2019		
450	Phùng Xuân Bảo	Ngọc	13/4/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Cắt gọt kim loại	2019	Trung bình	CĐ00517	0516/17C1-2019		
451	Nguyễn Văn	Phóng	16/02/1997	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Cắt gọt kim loại	2019	Trung bình	CĐ00518	0517/17C1-2019		
452	Trần Thế	Sang	28/9/1997	Nghệ An	Nam	Kinh	VN	Cắt gọt kim loại	2019	Trung bình	CĐ00519	0518/17C1-2019		
453	Phan Minh	Tài	14/12/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Cắt gọt kim loại	2019	Khá	CĐ00520	0519/17C1-2019		
454	Trần Thế	Tài	30/7/1998	Kon Tum	Nam	giê-Triều	VN	Cắt gọt kim loại	2019	Trung bình	CĐ00521	0520/17C1-2019		
455	Nguyễn Chí	Thiện	08/12/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Cắt gọt kim loại	2019	Trung bình	CĐ00522	0521/17C1-2019		
456	Võ Đại	Việt	29/6/1997	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Cắt gọt kim loại	2019	Khá	CĐ00523	0522/17C1-2019		
457	Nguyễn Ngọc	Dân	12/5/1998	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Khá	CĐ00524	0523/17C1-2019		
458	Đỗ Minh	Giang	08/7/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00525	0524/17C1-2019		
459	Nguyễn Thanh	Hiếu	27/4/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00526	0525/17C1-2019		
460	Nguyễn Minh	Hoàng	12/9/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Khá	CĐ00527	0526/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
461	Nguyễn Văn	Khánh	05/7/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Khá	CĐ00528	0527/17C1-2019		
462	Phạm Văn	Long	27/4/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00529	0528/17C1-2019		
463	Trần Nguyễn Phi	Long	09/02/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00530	0529/17C1-2019		
464	Lý Anh	Minh	21/01/1999	Sóc Trăng	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00531	0530/17C1-2019		
465	Phạm Thế	Nhân	15/9/1992	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00532	0531/17C1-2019		
466	Đặng Hiếu	Nhi	03/4/1996	Vĩnh Long	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00533	0532/17C1-2019		
467	Lý Kiến	Phát	14/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00534	0533/17C1-2019		
468	Nguyễn Hữu	Phú	11/11/1999	Sóc Trăng	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Khá	CĐ00535	0534/17C1-2019		
469	Nguyễn Hồng	Phúc	16/01/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00536	0535/17C1-2019		
470	Nguyễn Nhựt	Quang	28/4/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00537	0536/17C1-2019		
471	Nguyễn Thanh Quốc	Thái	30/5/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00538	0537/17C1-2019		
472	Nguyễn Ngọc	Thắng	07/02/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Khá	CĐ00539	0538/17C1-2019		
473	Trịnh Thái	Toàn	06/10/1999	Sóc Trăng	Nam	Hoa	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00540	0539/17C1-2019		
474	Nguyễn Trần Công	Chương	08/01/1998	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00541	0540/17C1-2019		
475	Võ Hữu	Danh	28/9/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00542	0541/17C1-2019		
476	Đặng Phú	Đức	20/02/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Khá	CĐ00543	0542/17C1-2019		
477	Nguyễn Tiến	Hoài	26/8/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00544	0543/17C1-2019		
478	Lê Huy	Hoàng	27/02/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00545	0544/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
479	Nguyễn Tùng	Lâm	02/01/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00546	0545/17C1-2019		
480	Nguyễn Chí	Linh	29/6/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00547	0546/17C1-2019		
481	Phạm Thành	Lộc	06/11/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00548	0547/17C1-2019		
482	Lâm Thế	Minh	21/7/1999	Sóc Trăng	Nam	Hoa	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00549	0548/17C1-2019		
483	Nguyễn Hoàn Ngọc	Mỹ	10/01/1998	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00550	0549/17C1-2019		
484	Nguyễn Huỳnh	Nghị	20/10/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00551	0550/17C1-2019		
485	Võ Đức	Nghĩa	15/3/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00552	0551/17C1-2019		
486	Nguyễn Hoàng Minh	Nhật	29/7/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00553	0552/17C1-2019		
487	Hồ Văn	Pháp	17/3/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00554	0553/17C1-2019		
488	Võ Hữu	Phúc	23/10/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00555	0554/17C1-2019		
489	Đặng Hoàng Minh	Quân	07/8/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00556	0555/17C1-2019		
490	Trần Đức	Tài	08/8/1994	Kiên Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00557	0556/17C1-2019		
491	Phạm Tấn	Thành	03/9/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00558	0557/17C1-2019		
492	Trần Phước Trường	Thống	15/12/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00559	0558/17C1-2019		
493	Phan Văn	Thuật	15/02/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00560	0559/17C1-2019		
494	Nguyễn Minh	Trường	09/8/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Khá	CĐ00561	0560/17C1-2019		
495	Huỳnh Văn	Tuấn	23/7/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00562	0561/17C1-2019		
496	Phạm Quốc	Tuấn	08/01/1999	Đắk Nông	Nam	Kinh	VN	Công nghệ chế tạo máy	2019	Trung bình	CĐ00563	0562/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
497	Trần Khánh	An	16/8/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00564	0563/17C1-2019		
498	Lê Việt	Bảo	28/3/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00565	0564/17C1-2019		
499	Nguyễn Xuân	Bảo	17/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00566	0565/17C1-2019		
500	Trần Huỳnh Hải	Đăng	10/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00567	0566/17C1-2019		
501	Vi Quang	Đạt	21/7/1995	Thanh Hoá	Nam	Thái	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00568	0567/17C1-2019		
502	Nguyễn Hoàng	Đông	05/6/1999	Sóc Trăng	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00569	0568/17C1-2019		
503	Phan Lê Quốc	Dũng	31/01/1998	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00570	0569/17C1-2019		
504	Nguyễn Trường	Duy	27/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00571	0570/17C1-2019		
505	Nguyễn Văn Quốc	Duy	08/4/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00572	0571/17C1-2019		
506	Nguyễn Minh	Hiếu	24/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00573	0572/17C1-2019		
507	Đoàn Công	Hường	13/3/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00574	0573/17C1-2019		
508	Phan Văn	Khang	25/5/1998	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00575	0574/17C1-2019		
509	Phan Văn	Khánh	25/5/1998	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00576	0575/17C1-2019		
510	Bùi Anh	Khoa	03/5/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00577	0576/17C1-2019		
511	Nguyễn Minh	Khoa	09/8/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00578	0577/17C1-2019		
512	Phan Tấn	Kiệt	10/12/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00579	0578/17C1-2019		
513	Võ Công	Lý	23/11/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00580	0579/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
514	Võ Hồ Trọng	Nghĩa	28/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00581	0580/17C1-2019		
515	Nguyễn Minh	Phong	14/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00582	0581/17C1-2019		
516	Nguyễn Quốc	Phong	26/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00583	0582/17C1-2019		
517	Nguyễn Văn	Sang	15/3/1997	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00584	0583/17C1-2019		
518	Trương Hoàng	Sang	09/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00585	0584/17C1-2019		
519	Trần Trường	Sơn	28/8/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00586	0585/17C1-2019		
520	Nguyễn Chí	Tâm	09/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00587	0586/17C1-2019		
521	Nguyễn Hồng	Thái	12/8/1997	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00588	0587/17C1-2019		
522	Trần Tuấn	Thanh	18/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Giỏi	CĐ00589	0588/17C1-2019		
523	Huỳnh Đức	Thi	02/12/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00590	0589/17C1-2019		
524	Đặng Hoài	Thiện	12/02/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00591	0590/17C1-2019		
525	Nguyễn Văn	Thịnh	08/3/1998	Đà Nẵng	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00592	0591/17C1-2019		
526	Trương Bảo	Toàn	01/8/1999	Bạc Liêu	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00593	0592/17C1-2019		
527	Lê Đức	Trọng	21/3/1997	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00594	0593/17C1-2019		
528	Nguyễn Tiến	Trung	22/7/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00595	0594/17C1-2019		
529	Đinh Minh	Tứ	23/9/1998	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00596	0595/17C1-2019		
530	Hoàng Minh	Tuấn	25/7/1997	Quảng Bình	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00597	0596/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
531	Võ Thế	Vĩ	28/11/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00598	0597/17C1-2019		
532	Nguyễn Thanh	Việt	06/9/1998	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00599	0598/17C1-2019		
533	Trần Anh	Vũ	12/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00600	0599/17C1-2019		
534	Nguyễn Thái	An	14/9/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00601	0600/17C1-2019		
535	Nguyễn Trường	An	12/02/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00602	0601/17C1-2019		
536	Trần Mai Phú	Cường	29/7/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00603	0602/17C1-2019		
537	Phạm Hồ Hải	Đạm	04/02/1995	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00604	0603/17C1-2019		
538	Phạm Minh	Đạt	19/01/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00605	0604/17C1-2019		
539	Vương Thành	Đạt	01/11/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00606	0605/17C1-2019		
540	Đỗ Minh	Dón	01/9/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00607	0606/17C1-2019		
541	Lê Văn	Dũng	20/11/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00608	0607/17C1-2019		
542	Huỳnh Văn	Dương	09/01/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00609	0608/17C1-2019		
543	Trần Quang	Duy	07/7/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00610	0609/17C1-2019		
544	Nguyễn Văn	Giàu	15/10/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00611	0610/17C1-2019		
545	Phạm Hồ Ngọc Trung	Hiếu	22/4/1999	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00612	0611/17C1-2019		
546	Trần Đại	Hiếu	05/6/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00613	0612/17C1-2019		
547	Trần Minh	Hiếu	01/10/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00614	0613/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
548	Trần Khánh	Hòa	16/7/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00615	0614/17C1-2019		
549	Hồ Công	Hoàng	30/4/1999	Quảng Trị	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00616	0615/17C1-2019		
550	Nguyễn Trọng	Khá	22/10/1998	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00617	0616/17C1-2019		
551	Lâm Gia	Khang	15/11/1997	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00618	0617/17C1-2019		
552	Võ Ngọc	Khánh	14/9/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00619	0618/17C1-2019		
553	Nguyễn Đông	Kiệt	12/8/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00620	0619/17C1-2019		
554	Nguyễn Duy	Linh	30/11/1998	Quảng Trị	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00621	0620/17C1-2019		
555	Nguyễn Vĩnh	Nghi	25/9/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00622	0621/17C1-2019		
556	Nguyễn Trọng	Nghĩa	13/7/1996	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00623	0622/17C1-2019		
557	Trần Hữu	Nghĩa	22/8/1999	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00624	0623/17C1-2019		
558	Nguyễn Đỗ Nhật	Quang	14/7/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00625	0624/17C1-2019		
559	Trần Duy	Tân	07/02/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00626	0625/17C1-2019		
560	Trần Trọng	Tấn	03/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00627	0626/17C1-2019		
561	Nguyễn Ngọc	Thạch	20/02/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00628	0627/17C1-2019		
562	Nguyễn Tam	Trường	03/4/1997	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00629	0628/17C1-2019		
563	Lê Minh	Tuấn	09/01/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00630	0629/17C1-2019		
564	Lương Thanh	Tùng	07/02/1996	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00631	0630/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
565	Trần Xuân	Tùng	13/3/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00632	0631/17C1-2019		
566	Trần Quốc	Tuyển	16/12/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00633	0632/17C1-2019		
567	Huỳnh Ngọc	Diệp	08/7/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00634	0633/17C1-2019		
568	Nguyễn Duy	Hóa	04/10/1998	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00635	0634/17C1-2019		
569	Nguyễn Công	Hoàng	02/12/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00636	0635/17C1-2019		
570	Lương Thế	Huy	04/4/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00637	0636/17C1-2019		
571	Nguyễn Quang	Huy	06/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00638	0637/17C1-2019		
572	Phạm Hoàng	Liêm	05/11/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00639	0638/17C1-2019		
573	Hứa Thanh	Long	01/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00640	0639/17C1-2019		
574	Lê Hồng	Mạnh	07/12/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00641	0640/17C1-2019		
575	Huỳnh Trung	Nghĩa	06/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00642	0641/17C1-2019		
576	Lương Tấn	Phát	27/11/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00643	0642/17C1-2019		
577	Trần Tấn	Phát	17/9/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00644	0643/17C1-2019		
578	Trần Nhựt	Quân	13/01/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00645	0644/17C1-2019		
579	Trần Minh	Quang	31/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00646	0645/17C1-2019		
580	Nguyễn Phú	Quốc	19/5/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00647	0646/17C1-2019		
581	Võ Hoàng	Thái	23/4/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00648	0647/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
582	Trần Hữu	Thành	30/8/1998	Thái Bình	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00649	0648/17C1-2019		
583	Võ Văn	Thành	27/7/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00650	0649/17C1-2019		
584	Nguyễn Hữu	Tính	27/11/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00651	0650/17C1-2019		
585	Nguyễn Hoàng	Trung	27/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00652	0651/17C1-2019		
586	Đỗ Duy	Tuấn	07/11/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00653	0652/17C1-2019		
587	Mai Anh	Tuấn	12/3/1998	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00654	0653/17C1-2019		
588	Nguyễn Thanh	Vinh	09/02/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00655	0654/17C1-2019		
589	Nguyễn Trung	Vĩnh	26/5/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00656	0655/17C1-2019		
590	Đỗ Trọng	Vỹ	23/9/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00657	0656/17C1-2019		
591	Ngô Hữu	Bằng	06/6/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00658	0657/17C1-2019		
592	Nguyễn Văn	Bình	10/11/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00659	0658/17C1-2019		
593	Lê Thành	Đạt	11/12/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00660	0659/17C1-2019		
594	Dương Tấn	Đông	24/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00661	0660/17C1-2019		
595	Nguyễn Tấn	Đức	02/6/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00662	0661/17C1-2019		
596	Võ Anh	Hào	14/6/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00663	0662/17C1-2019		
597	Trần Công	Hậu	15/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00664	0663/17C1-2019		
598	Phạm Văn	Hoàng	24/5/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00665	0664/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
599	Phạm Văn	Khải	23/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00666	0665/17C1-2019		
600	Huỳnh Văn	Lâm	10/10/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00667	0666/17C1-2019		
601	Hồ Tuấn	Linh	05/6/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00668	0667/17C1-2019		
602	Trần Quang	Linh	15/01/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00669	0668/17C1-2019		
603	Trần Đại	Lộc	26/6/1999	Lâm Đồng	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00670	0669/17C1-2019		
604	Hồ Công	Minh	15/3/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00671	0670/17C1-2019		
605	Trần Thanh	Phương	06/3/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00672	0671/17C1-2019		
606	Nguyễn Quang	Sáng	13/11/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00673	0672/17C1-2019		
607	Nguyễn Đức	Tân	28/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00674	0673/17C1-2019		
608	Phan Châu	Tấn	10/4/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00675	0674/17C1-2019		
609	Trần Thiên	Thạch	25/3/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00676	0675/17C1-2019		
610	Nguyễn Đức	Thanh	31/3/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00677	0676/17C1-2019		
611	Nguyễn Văn	Thành	08/5/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00678	0677/17C1-2019		
612	Nguyễn Chí	Thiện	18/01/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00679	0678/17C1-2019		
613	Hoàng Vương	Thịnh	25/01/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00680	0679/17C1-2019		
614	Nguyễn Anh	Thọ	19/3/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00681	0680/17C1-2019		
615	Nguyễn Minh	Thoại	25/11/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00682	0681/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
616	Võ Văn	Thông	29/6/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00683	0682/17C1-2019		
617	Tô Trung	Tín	06/9/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00684	0683/17C1-2019		
618	Nguyễn Trần Nhật	Trường	06/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00685	0684/17C1-2019		
619	Lê Quốc	Văn	14/3/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00686	0685/17C1-2019		
620	Đoàn Trung	Việt	01/9/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00687	0686/17C1-2019		
621	Võ Công	Vũ	18/5/1999	Đắk Lắk	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00688	0687/17C1-2019		
622	Hà Trường	An	13/8/1995	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00689	0688/17C1-2019		
623	Nguyễn Công	Bình	15/6/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00690	0689/17C1-2019		
624	Nguyễn Minh	Đạt	10/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00691	0690/17C1-2019		
625	Võ Quốc	Đạt	26/5/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00692	0691/17C1-2019		
626	Võ Thành	Đạt	16/6/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00693	0692/17C1-2019		
627	Nguyễn Quốc	Khanh	25/8/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00694	0693/17C1-2019		
628	Võ Thành	Long	15/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00695	0694/17C1-2019		
629	Phạm Minh	Luân	11/12/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00696	0695/17C1-2019		
630	Ngô Chí	Nam	29/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00697	0696/17C1-2019		
631	Phan Văn	Quân	13/4/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00698	0697/17C1-2019		
632	Nguyễn Hồng	Quỳnh	03/02/1999	Nghệ An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00699	0698/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
633	Lương Minh	Son	12/11/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00700	0699/17C1-2019		
634	Bùi Phước	Thiện	28/11/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00701	0700/17C1-2019		
635	Nguyễn Thanh	Toàn	03/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00702	0701/17C1-2019		
636	Trần Thanh	Toàn	24/11/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00703	0702/17C1-2019		
637	Đặng Tấn	Trường	12/6/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00704	0703/17C1-2019		
638	Lê Quang	Trường	20/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00705	0704/17C1-2019		
639	Bùi Minh	Tuấn	06/12/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00706	0705/17C1-2019		
640	Nguyễn Quốc	Bảo	11/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00707	0706/17C1-2019		
641	Nguyễn Văn	Cang	15/02/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00708	0707/17C1-2019		
642	Lê Tuấn	Cảnh	10/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00709	0708/17C1-2019		
643	Nguyễn Hải	Đăng	27/8/1998	Gia Lai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00710	0709/17C1-2019		
644	Lê Hoài	Dĩ	04/3/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00711	0710/17C1-2019		
645	Nguyễn Tấn	Hiệp	02/4/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00712	0711/17C1-2019		
646	Cao Văn	Hùng	26/12/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00713	0712/17C1-2019		
647	Võ Gia	Hưng	02/7/1998	Đắk Nông	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00714	0713/17C1-2019		
648	Ngô Nhựt	Lanh	25/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00715	0714/17C1-2019		
649	Phùng Tấn	Lộc	05/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00716	0715/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
650	Điều Gơ	Lui	20/5/1997	Bình Phước	Nam	Xtiêng	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00717	0716/17C1-2019		
651	Hàng Nhật	Minh	29/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00718	0717/17C1-2019		
652	Đặng Duy	Nam	22/10/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00719	0718/17C1-2019		
653	Nguyễn Trường	Nguyên	19/12/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00720	0719/17C1-2019		
654	Kiều Chí	Nhân	17/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00721	0720/17C1-2019		
655	Lư Bùi Thành	Nhân	31/8/1999	Bình Dương	Nam	Hoa	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00722	0721/17C1-2019		
656	Trương Gia	Phát	01/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00723	0722/17C1-2019		
657	Phùng Anh	Tài	05/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00724	0723/17C1-2019		
658	Tăng Thiên	Tài	15/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00725	0724/17C1-2019		
659	Phạm Văn	Tạo	30/3/1999	Thái Bình	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00726	0725/17C1-2019		
660	Nguyễn Minh	Tiến	22/01/1999	Cà Mau	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00727	0726/17C1-2019		
661	Phan Văn	Tiếp	25/7/1998	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00728	0727/17C1-2019		
662	Phan Hữu	Trí	13/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00729	0728/17C1-2019		
663	Đỗ Đình Nhật	Trường	06/10/1999	Khánh Hoà	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00730	0729/17C1-2019		
664	Phạm Ngọc	Trường	25/5/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00731	0730/17C1-2019		
665	Phạm Xuân	Trường	10/8/1998	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00732	0731/17C1-2019		
666	Bùi Thanh	Vũ	20/8/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00733	0732/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
667	Võ Thái Trường	An	19/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00734	0733/17C1-2019		
668	Hà Lê Duy	Anh	29/12/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00735	0734/17C1-2019		
669	Đặng Quốc	Bảo	14/5/1998	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00736	0735/17C1-2019		
670	Trương Tấn	Đạt	07/10/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00737	0736/17C1-2019		
671	Lê Minh Đại	Dương	07/6/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00738	0737/17C1-2019		
672	Võ Hoàng	Hào	15/4/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00739	0738/17C1-2019		
673	Võ Minh	Hiền	08/01/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00740	0739/17C1-2019		
674	Lê Thị Ngọc	Hương	10/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00741	0740/17C1-2019		
675	Trần Quang	Huy	24/10/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00742	0741/17C1-2019		
676	Nguyễn Minh	Khoa	01/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00743	0742/17C1-2019		
677	Đỗ Lê Tuấn	Kiệt	06/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00744	0743/17C1-2019		
678	Nguyễn Trung	Lập	05/11/1998	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00745	0744/17C1-2019		
679	Nguyễn Đức	Long	09/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00746	0745/17C1-2019		
680	Nguyễn Văn Phi	Long	28/7/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00747	0746/17C1-2019		
681	Nguyễn Hà Phương	Nam	09/12/1999	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00748	0747/17C1-2019		
682	Lê Thị Hồng	Ngân	23/9/1999	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00749	0748/17C1-2019		
683	Lê Trung	Nghĩa	10/9/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00750	0749/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
684	Nguyễn Anh	Nhật	30/5/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00751	0750/17C1-2019		
685	Hồ Văn	Phát	10/5/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00752	0751/17C1-2019		
686	Nguyễn Vương Tấn	Phát	10/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00753	0752/17C1-2019		
687	Lê Bá	Phúc	11/02/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00754	0753/17C1-2019		
688	Võ Thanh	Sang	10/4/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00755	0754/17C1-2019		
689	Huỳnh Thê	Tân	22/5/1999	Đắk Lắk	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00756	0755/17C1-2019		
690	Nguyễn Hữu	Thành	28/11/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00757	0756/17C1-2019		
691	Hồ Anh	Thoại	15/3/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00758	0757/17C1-2019		
692	Nguyễn Hoài	Thương	31/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00759	0758/17C1-2019		
693	Lâm Thanh	Trà	08/6/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00760	0759/17C1-2019		
694	Phạm Ngọc	Tuấn	10/5/1995	Quảng Bình	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00761	0760/17C1-2019		
695	Trần Vĩnh	Tường	02/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00762	0761/17C1-2019		
696	Nguyễn Khánh	Văn	28/6/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00763	0762/17C1-2019		
697	Nguyễn Hoàng	Ân	23/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00764	0763/17C1-2019		
698	Thái Hoàng	Anh	07/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00765	0764/17C1-2019		
699	Trần Viết	Bắc	25/4/1999	Quảng Trị	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00766	0765/17C1-2019		
700	Hồ Văn	Đại	25/5/1995	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00767	0766/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
701	Nguyễn Tiến	Đạt	22/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00768	0767/17C1-2019		
702	Huỳnh Văn	Dũng	14/3/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00769	0768/17C1-2019		
703	Nguyễn Quốc	Duy	11/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00770	0769/17C1-2019		
704	Nguyễn Minh	Duyên	09/9/1999	Lâm Đồng	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00771	0770/17C1-2019		
705	Bùi Văn	Hải	08/12/1997	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00772	0771/17C1-2019		
706	Nguyễn Hoàng	Khái	12/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00773	0772/17C1-2019		
707	Từ Tấn	Khoa	19/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00774	0773/17C1-2019		
708	Nguyễn Minh	Luân	12/4/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00775	0774/17C1-2019		
709	Trần	Nam	07/8/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00776	0775/17C1-2019		
710	Ngô Trung	Nguyên	02/3/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00777	0776/17C1-2019		
711	Hoàng Văn Phong	Nhã	23/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00778	0777/17C1-2019		
712	Nguyễn Chí	Nhân	16/02/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00779	0778/17C1-2019		
713	Trần Bình	Phương	26/01/1999	Nghệ An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00780	0779/17C1-2019		
714	Đào Sơn	Tài	16/12/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00781	0780/17C1-2019		
715	Nguyễn Ngọc	Tài	04/01/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00782	0781/17C1-2019		
716	Vũ Văn	Tài	17/10/1999	Ninh Bình	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00783	0782/17C1-2019		
717	Tiêu Nhật	Tân	03/10/1999	Kiên Giang	Nam	Hoa	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00784	0783/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
718	Nguyễn Minh	Thuận	13/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00785	0784/17C1-2019		
719	Nguyễn Huỳnh Trung	Trực	12/11/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00786	0785/17C1-2019		
720	Nguyễn Nhật	Trường	12/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00787	0786/17C1-2019		
721	Nguyễn Hữu	Tùng	02/4/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00788	0787/17C1-2019		
722	Lê Thế	Vinh	25/8/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00789	0788/17C1-2019		
723	Kha Anh	Vũ	06/9/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00790	0789/17C1-2019		
724	Nguyễn Thanh	An	24/12/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00791	0790/17C1-2019		
725	Phạm Thế	Chinh	06/12/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00792	0791/17C1-2019		
726	Nguyễn Minh	Hiếu	01/01/1999	Ninh Bình	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00793	0792/17C1-2019		
727	Trần Minh	Hiếu	12/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00794	0793/17C1-2019		
728	Nguyễn Hồng	Hữu	09/8/1999	Lâm Đồng	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00795	0794/17C1-2019		
729	Nguyễn Quốc	Hữu	15/9/1998	Quảng Bình	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00796	0795/17C1-2019		
730	Châu Hữu	Khánh	24/8/1995	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Giỏi	CĐ00797	0796/17C1-2019		
731	Hồ Quốc	Khánh	16/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00798	0797/17C1-2019		
732	Huỳnh Thái Đăng	Khoa	05/01/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00799	0798/17C1-2019		
733	Lê Minh	Luân	01/10/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00800	0799/17C1-2019		
734	Huỳnh Văn	Phát	25/11/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00801	0800/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghệp	Xếp loại Tốt nghệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
735	Nguyễn Hoài	Phong	09/8/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00802	0801/17C1-2019		
736	Nguyễn Văn	Phú	28/5/1998	Sóc Trăng	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00803	0802/17C1-2019		
737	Đặng Xuân	Quang	09/9/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00804	0803/17C1-2019		
738	Nguyễn Ngọc	Son	02/11/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00805	0804/17C1-2019		
739	Nguyễn Bảo	Thà	25/10/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00806	0805/17C1-2019		
740	Cao Văn	Thắng	23/6/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00807	0806/17C1-2019		
741	Võ Phước	Thế	27/7/1999	Bạc Liêu	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00808	0807/17C1-2019		
742	Võ Minh	Thương	13/8/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00809	0808/17C1-2019		
743	Phan Minh	Tiến	23/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00810	0809/17C1-2019		
744	Nguyễn Minh	Trí	27/9/1997	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00811	0810/17C1-2019		
745	Lại Tuấn	Vinh	01/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00812	0811/17C1-2019		
746	Nguyễn Tuấn	Vũ	10/5/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00813	0812/17C1-2019		
747	Võ Vũ	Vương	07/6/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00814	0813/17C1-2019		
748	Lê Văn	Dự	12/10/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00815	0814/17C1-2019		
749	Phạm Quan	Dự	21/01/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00816	0815/17C1-2019		
750	Nguyễn Hữu	Hòa	27/5/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00817	0816/17C1-2019		
751	Chương Hoàng	Hùng	08/12/1999	Đồng Nai	Nam	Hoa	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00818	0817/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
752	Đặng Quốc	Hùng	17/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00819	0818/17C1-2019		
753	Trương Hoàng	Huy	15/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00820	0819/17C1-2019		
754	Nguyễn Đình	Kha	23/12/1999	Đắk Lắk	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00821	0820/17C1-2019		
755	Nguyễn Bửu	Khánh	06/3/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00822	0821/17C1-2019		
756	Nguyễn Duy	Khánh	14/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00823	0822/17C1-2019		
757	Huỳnh Đăng	Khoa	18/7/1999	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00824	0823/17C1-2019		
758	Phạm Tấn	Lên	20/6/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00825	0824/17C1-2019		
759	Trần Công	Minh	19/8/1999	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00826	0825/17C1-2019		
760	Trần Văn	Nguyên	28/12/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00827	0826/17C1-2019		
761	Hồ Tấn	Phát	25/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00828	0827/17C1-2019		
762	Trần Tấn	Tài	02/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00829	0828/17C1-2019		
763	Trần Quốc	Tiên	06/7/1999	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00830	0829/17C1-2019		
764	Phan Hà	Văn	25/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00831	0830/17C1-2019		
765	Nguyễn Thái	Việt	21/6/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00832	0831/17C1-2019		
766	Trần Quốc	Việt	04/01/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00833	0832/17C1-2019		
767	Lê Thanh	Vinh	24/4/1999	Thanh Hoá	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00834	0833/17C1-2019		
768	Ngô Trần Đức	Anh	16/02/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00835	0834/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
769	Nguyễn Nhất	Bình	01/01/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00836	0835/17C1-2019		
770	Trần Văn	Cảnh	27/11/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00837	0836/17C1-2019		
771	Nguyễn Anh	Cường	07/10/1997	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00838	0837/17C1-2019		
772	Nguyễn Văn Minh	Dàng	09/11/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00839	0838/17C1-2019		
773	Nguyễn Văn	Đến	25/3/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00840	0839/17C1-2019		
774	Trần Văn	Đoàn	02/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00841	0840/17C1-2019		
775	Nguyễn Quốc	Doanh	19/02/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00842	0841/17C1-2019		
776	Lê Cảnh	Hiền	08/8/1998	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00843	0842/17C1-2019		
777	Phan Văn	Hiền	11/11/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00844	0843/17C1-2019		
778	Trần Việt	Hưng	10/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00845	0844/17C1-2019		
779	Phan Văn	Hưởng	16/8/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00846	0845/17C1-2019		
780	Nguyễn Duy	Khánh	06/11/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00847	0846/17C1-2019		
781	Phan Thanh	Liêm	18/4/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00848	0847/17C1-2019		
782	Huỳnh Tấn	Lộc	18/02/1997	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00849	0848/17C1-2019		
783	Nguyễn Thiện	Lộc	19/7/1999	Hà Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00850	0849/17C1-2019		
784	Bùi Hồng	Lưu	06/01/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00851	0850/17C1-2019		
785	Nguyễn Đăng Hùng	Minh	04/10/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00852	0851/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
786	Nguyễn Hoàn	Nam	06/4/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00853	0852/17C1-2019		
787	Bùi Vũ	Nghĩa	13/10/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00854	0853/17C1-2019		
788	Phan Đức	Quốc	12/5/1998	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00855	0854/17C1-2019		
789	Huỳnh Tấn	Thành	28/3/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00856	0855/17C1-2019		
790	Lê Quang	Thành	13/3/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00857	0856/17C1-2019		
791	Nguyễn Ngọc	Thiện	22/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00858	0857/17C1-2019		
792	Trịnh Công	Thịnh	16/6/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00859	0858/17C1-2019		
793	Hồ Minh	Trí	16/8/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00860	0859/17C1-2019		
794	Bùi Đức Trí	Trung	08/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00861	0860/17C1-2019		
795	Nguyễn Hoàng	Vỹ	09/8/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00862	0861/17C1-2019		
796	Nguyễn Kỳ	Vỹ	03/8/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00863	0862/17C1-2019		
797	Võ Anh	Bảo	20/01/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00864	0863/17C1-2019		
798	Nguyễn Thanh	Bình	26/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00865	0864/17C1-2019		
799	Bùi Phạm Minh	Đạt	19/9/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00866	0865/17C1-2019		
800	Huỳnh Tấn	Đô	25/6/1998	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00867	0866/17C1-2019		
801	Huỳnh Lê Bảo	Duy	02/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00868	0867/17C1-2019		
802	Nguyễn Thành	Hải	20/10/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00869	0868/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
803	Trần Minh	Hoàng	26/5/1999	Quảng Trị	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00870	0869/17C1-2019		
804	Trần Hoàng	Khang	31/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00871	0870/17C1-2019		
805	Đặng Hải	Lâm	11/12/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00872	0871/17C1-2019		
806	Trương Xuân	Lâm	14/7/1999	Đắk Lắk	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00873	0872/17C1-2019		
807	Lê Việt	Mão	01/12/1999	Đắk Lắk	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00874	0873/17C1-2019		
808	Phạm Hải	Minh	31/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00875	0874/17C1-2019		
809	Ngô Nguyễn Hoài	Nam	19/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00876	0875/17C1-2019		
810	Nguyễn Trọng	Nghĩa	13/11/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00877	0876/17C1-2019		
811	Phan Trung	Nghĩa	26/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00878	0877/17C1-2019		
812	Lê Thanh	Nhã	13/10/1998	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00879	0878/17C1-2019		
813	Đinh Thịnh	Phát	28/10/1998	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00880	0879/17C1-2019		
814	Tô Huỳnh Thanh	Phong	31/8/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00881	0880/17C1-2019		
815	Nguyễn Tiến	Phúc	29/01/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00882	0881/17C1-2019		
816	Vũ Minh	Quảng	08/3/1999	Nam Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00883	0882/17C1-2019		
817	Hà Đức	Quốc	21/10/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00884	0883/17C1-2019		
818	Lê Ngô Huy	Tâm	09/4/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00885	0884/17C1-2019		
819	Nguyễn Chí	Tâm	10/6/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00886	0885/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
820	Nguyễn Công	Trí	02/9/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00887	0886/17C1-2019		
821	Trần Quang	Triệu	10/6/1999	Nghệ An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00888	0887/17C1-2019		
822	Phạm Thành Quốc	Vương	16/3/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00889	0888/17C1-2019		
823	Nguyễn Phạm Phú	An	11/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00890	0889/17C1-2019		
824	Trần Quốc	Bảo	26/12/1999	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00891	0890/17C1-2019		
825	Dương	Cảnh	07/7/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00892	0891/17C1-2019		
826	Huỳnh Hải	Đăng	09/02/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00893	0892/17C1-2019		
827	Lê Minh	Dũng	04/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00894	0893/17C1-2019		
828	Lê Đào Trường	Hạnh	04/8/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00895	0894/17C1-2019		
829	Vũ Minh	Hiếu	20/4/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00896	0895/17C1-2019		
830	Hồng Hoàng	Hoa	12/5/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00897	0896/17C1-2019		
831	Đỗ Đức	Hoàng	20/9/1998	Hải Phòng	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00898	0897/17C1-2019		
832	Trần Đăng Thanh	Hoàng	26/6/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00899	0898/17C1-2019		
833	Phan Bùi Thanh	Huy	11/12/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00900	0899/17C1-2019		
834	Bùi Phạm	Khang	03/11/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00901	0900/17C1-2019		
835	Trần Hoàng	Khánh	22/5/1999	Lâm Đồng	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00902	0901/17C1-2019		
836	Trần Duy	Lâm	26/02/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00903	0902/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
837	Võ Vương	Linh	03/8/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00904	0903/17C1-2019		
838	Nguyễn Thành	Lộc	03/02/1996	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00905	0904/17C1-2019		
839	Đặng Hoàng	Nam	17/01/1998	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00906	0905/17C1-2019		
840	Nguyễn Lê	Ngân	26/3/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00907	0906/17C1-2019		
841	Đỗ Trọng	Nghĩa	10/11/1998	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00908	0907/17C1-2019		
842	Võ Hiếu	Nghĩa	15/9/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00909	0908/17C1-2019		
843	Phan Đình	Nguyên	07/9/1999	Bạc Liêu	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00910	0909/17C1-2019		
844	Nguyễn Thanh	Nhân	05/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00911	0910/17C1-2019		
845	Nguyễn Trần Thanh	Nhi	04/7/1995	Bình Thuận	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00912	0911/17C1-2019		
846	Nguyễn Đoàn Thành	Phúc	11/02/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00913	0912/17C1-2019		
847	Trần Văn	Quang	14/10/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00914	0913/17C1-2019		
848	Nguyễn Văn	Sang	15/01/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00915	0914/17C1-2019		
849	Nguyễn Quang	Thạch	21/01/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00916	0915/17C1-2019		
850	Nguyễn Quang	Vương	10/6/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00917	0916/17C1-2019		
851	Lù Dìu	Bánh	20/5/1998	Bình Thuận	Nam	Hoa	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00918	0917/17C1-2019		
852	Nguyễn Đức	Bảo	25/9/1999	Đắk Lắk	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00919	0918/17C1-2019		
853	Nguyễn Văn Thành	Công	29/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00920	0919/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
854	Nguyễn Quốc	Cường	12/10/1999	Ninh Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00921	0920/17C1-2019		
855	Phạm Trần Quang	Đại	06/10/1999	Khánh Hoà	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00922	0921/17C1-2019		
856	Đặng Văn	Hoàng	21/3/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00923	0922/17C1-2019		
857	Vũ Phạm Linh	Hương	29/10/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00924	0923/17C1-2019		
858	Trần Đức	Huỳnh	22/6/1999	Nam Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00925	0924/17C1-2019		
859	Huỳnh Văn	Khảm	25/12/1999	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00926	0925/17C1-2019		
860	Nguyễn Gia	Kính	18/10/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00927	0926/17C1-2019		
861	Nguyễn Hoàng	Mỹ	17/9/1997	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00928	0927/17C1-2019		
862	Nguyễn Thanh	Nhật	10/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00929	0928/17C1-2019		
863	Phan Văn	Nước	05/01/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00930	0929/17C1-2019		
864	Võ Hoàng	Son	27/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00931	0930/17C1-2019		
865	Nguyễn Văn Phước	Tài	08/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00932	0931/17C1-2019		
866	Trần Hoài	Thanh	30/01/1999	Quảng Trị	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00933	0932/17C1-2019		
867	Hồ Minh	Thành	18/10/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00934	0933/17C1-2019		
868	Mai Trung	Thiện	01/01/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00935	0934/17C1-2019		
869	Lưu Văn	Tuấn	15/02/1998	Quảng Bình	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Khá	CĐ00936	0935/17C1-2019		
870	Nguyễn Thanh	Tuấn	16/11/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00937	0936/17C1-2019		
871	Ngô Thanh	Xuân	16/8/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Công nghệ ô tô	2019	Trung bình	CĐ00938	0937/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghệp	Xếp loại Tốt nghệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
872	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	12/02/1999	Cần Thơ	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00939	0938/17C1-2019		
873	Nguyễn Thị	Biên	16/9/1999	Bình Định	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00940	0939/17C1-2019		
874	Châu Mỹ	Duyên	16/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00941	0940/17C1-2019		
875	Đặng Thị Mỹ	Duyên	25/8/1999	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00942	0941/17C1-2019		
876	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	29/01/1998	Bình Thuận	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00943	0942/17C1-2019		
877	Huỳnh Thị Như	Hà	22/11/1999	Quảng Nam	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00944	0943/17C1-2019		
878	Trần Ngọc	Hào	09/12/1999	Sóc Trăng	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00945	0944/17C1-2019		
879	Phạm Thị Ngọc	Huyền	07/10/1998	Tiền Giang	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Trung bình	CĐ00946	0945/17C1-2019		
880	Đặng Thùy	Nga	28/3/1997	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00947	0946/17C1-2019		
881	Trịnh Hồng	Nga	09/4/1999	Đồng Nai	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00948	0947/17C1-2019		
882	Võ Thạch Kim	Ngân	29/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00949	0948/17C1-2019		
883	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	19/7/1999	Bến Tre	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00950	0949/17C1-2019		
884	Phạm Thị	Nhàn	20/02/1999	Hải Dương	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00951	0950/17C1-2019		
885	Hồ Thị Yến	Nhi	10/5/1999	Bến Tre	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00952	0951/17C1-2019		
886	Lý Thị Xuân	Nhi	28/12/1999	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00953	0952/17C1-2019		
887	Nguyễn Hồng	Phấn	18/5/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00954	0953/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
888	Huỳnh Thị Lệ	Quyên	08/8/1999	Quảng Nam	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00955	0954/17C1-2019		
889	Phạm Thị Thu	Thảo	10/9/1999	Bình Thuận	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00956	0955/17C1-2019		
890	Võ Thị Anh	Thư	27/7/1999	Bến Tre	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00957	0956/17C1-2019		
891	Nguyễn Thị Kim	Thi	11/02/1999	Tiền Giang	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00958	0957/17C1-2019		
892	Nguyễn Khánh	Thuận	07/6/1999	Quảng Trị	Nam	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Trung bình	CĐ00959	0958/17C1-2019		
893	Cao Thị Thanh	Thúy	06/12/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00960	0959/17C1-2019		
894	Trần Thị	Trà	28/02/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00961	0960/17C1-2019		
895	Dương Thị Phương	Trang	31/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00962	0961/17C1-2019		
896	Dương Cẩm	Tú	09/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00963	0962/17C1-2019		
897	Võ Thị Cẩm	Tú	03/3/1999	Bến Tre	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00964	0963/17C1-2019		
898	Nguyễn Trúc Lan	Uyên	25/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Trung bình	CĐ00965	0964/17C1-2019		
899	Đặng Thị	Vân	06/3/1999	Bình Định	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00966	0965/17C1-2019		
900	Nguyễn Thị	Châu	28/5/1997	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00967	0966/17C1-2019		
901	Hồ Khánh Linh	Chi	03/7/1999	Nghệ An	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00968	0967/17C1-2019		
902	Phan Thị Anh	Đào	08/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00969	0968/17C1-2019		
903	Châu Thị Thùy	Dung	30/9/1999	Long An	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00970	0969/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
904	Đinh Trần Hạnh	Dung	20/4/1999	Long An	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00971	0970/17C1-2019		
905	Lê Thị Huệ	Giao	30/3/1998	Long An	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00972	0971/17C1-2019		
906	Phạm Võ Kim	Hằng	20/5/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00973	0972/17C1-2019		
907	Bùi Thị Thu	Hiền	20/4/1998	Quảng Trị	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Xuất sắc	CĐ00974	0973/17C1-2019		
908	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	23/3/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00975	0974/17C1-2019		
909	Mai Thị Ngọc	Huệ	08/11/1999	Tiền Giang	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00976	0975/17C1-2019		
910	Huỳnh Thị	Hường	28/5/1998	Tiền Giang	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00977	0976/17C1-2019		
911	Lê Thị Hồng	Lương	27/02/1997	Đồng Nai	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00978	0977/17C1-2019		
912	Nguyễn Thị Kiều	My	02/6/1999	Long An	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00979	0978/17C1-2019		
913	Trần Thị Trà	My	04/4/1999	Bình Định	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00980	0979/17C1-2019		
914	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	30/10/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00981	0980/17C1-2019		
915	Trần Thị Hồng	Ngọc	19/8/1999	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00982	0981/17C1-2019		
916	Trần Tú	Ngọc	10/6/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00983	0982/17C1-2019		
917	Mai Nguyễn Thảo	Nhi	18/3/1999	Đồng Nai	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Trung bình	CĐ00984	0983/17C1-2019		
918	Nguyễn Thị Yến	Nhi	10/7/1999	Long An	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Trung bình	CĐ00985	0984/17C1-2019		
919	Phạm Nguyễn Yến	Như	08/11/1999	Bình Phước	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Trung bình	CĐ00986	0985/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
920	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	13/02/1999	Long An	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Trung bình	CĐ00987	0986/17C1-2019		
921	Phạm Thị Hồng	Nhung	12/3/1999	Long An	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00988	0987/17C1-2019		
922	Nguyễn Vũ Minh	Phúc	30/3/1999	Bình Thuận	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00989	0988/17C1-2019		
923	Trần Thị Thu	Sương	26/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00990	0989/17C1-2019		
924	Trần Thị Thu	Thảo	05/11/1999	Quảng Nam	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00991	0990/17C1-2019		
925	Đặng Thị Kiều	Thu	01/11/1999	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00992	0991/17C1-2019		
926	Trần Thị Thu	Thùy	05/11/1999	Quảng Nam	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00993	0992/17C1-2019		
927	Trần Thị Mỹ	Tiên	12/7/1999	Tiền Giang	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00994	0993/17C1-2019		
928	Bùi Ngọc	Tịnh	18/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Giỏi	CĐ00995	0994/17C1-2019		
929	Đặng Thụy Bích	Trâm	24/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Trung bình	CĐ00996	0995/17C1-2019		
930	Phan Thị Ngọc	Trâm	03/8/1999	Bình Thuận	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00997	0996/17C1-2019		
931	Trần Thị Ngọc	Trâm	05/4/1999	Long An	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00998	0997/17C1-2019		
932	Nguyễn Thị	Trang	16/4/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ00999	0998/17C1-2019		
933	Phan Thị Mỹ	Trang	25/7/1999	Phú Yên	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ01000	0999/17C1-2019		
934	Nguyễn Thị Hạnh	Trinh	04/11/1999	Long An	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ01001	1000/17C1-2019		
935	Võ Tuyết	Trinh	07/10/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ01002	1001/17C1-2019		
936	Phạm Thị Ý	Vy	14/4/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ may	2019	Khá	CĐ01003	1002/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghề nghiệp	Xếp loại Tốt nghề nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
937	Trần Thành	Đạt	22/10/1999	Quảng Bình	Nam	Kinh	VN	An ninh mạng	2019	Trung bình	CĐ01004	1003/17C1-2019		
938	Phạm Ngọc Trung	Hiếu	25/4/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	An ninh mạng	2019	Trung bình	CĐ01005	1004/17C1-2019		
939	Trương Phạm Tuấn	Nhã	21/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	An ninh mạng	2019	Khá	CĐ01006	1005/17C1-2019		
940	Lê Hoàng	Phúc	24/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	An ninh mạng	2019	Trung bình	CĐ01007	1006/17C1-2019		
941	Trần Đình	Quý	24/02/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	An ninh mạng	2019	Khá	CĐ01008	1007/17C1-2019		
942	Bành Thái	Sơn	26/3/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	An ninh mạng	2019	Khá	CĐ01009	1008/17C1-2019		
943	Tiêu Quang	Thuận	29/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	VN	An ninh mạng	2019	Giỏi	CĐ01010	1009/17C1-2019		
944	Vũ Đức	Trung	25/4/1999	Hung Yên	Nam	Kinh	VN	An ninh mạng	2019	Trung bình	CĐ01011	1010/17C1-2019		
945	Phạm Minh	Ân	16/02/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01012	1011/17C1-2019		
946	Nguyễn Tuấn	Anh	27/4/1997	Hà Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Khá	CĐ01013	1012/17C1-2019		
947	Huỳnh Đăng	Châu	16/6/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01014	1013/17C1-2019		
948	Trương Hồng	Cửu	28/02/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01015	1014/17C1-2019		
949	Lưu Hải	Đăng	02/01/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01016	1015/17C1-2019		
950	Phan Vũ Trường	Giang	20/5/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01017	1016/17C1-2019		
951	Trần Huy Vũ	Hải	05/10/1999	Hà Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01018	1017/17C1-2019		
952	Nguyễn Đình	Hiếu	16/3/1999	Nghệ an	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01019	1018/17C1-2019		
953	Trần Văn	Huy	10/02/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Khá	CĐ01020	1019/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
954	Hoàng Bảo	Khánh	05/9/1998	Hà Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01021	1020/17C1-2019		
955	Nguyễn Đăng	Khoa	06/10/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01022	1021/17C1-2019		
956	Lê Hồ Bảo	Lập	23/3/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01023	1022/17C1-2019		
957	Nguyễn Đạo	Minh	08/01/1998	Quảng Trị	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01024	1023/17C1-2019		
958	Nguyễn Thái	Nguyên	22/4/1999	An Giang	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01025	1024/17C1-2019		
959	Phạm Cao Chí	Nguyên	08/4/1999	Cà Mau	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01026	1025/17C1-2019		
960	Nguyễn Trương Hoàng	Sang	10/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01027	1026/17C1-2019		
961	Trần Cơ	Thạch	02/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01028	1027/17C1-2019		
962	Phạm Ngọc	Tiến	19/3/1999	Gia Lai	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01029	1028/17C1-2019		
963	Đào Nhứt	Trí	14/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01030	1029/17C1-2019		
964	Nguyễn Ngọc Đoan	Uyên	13/02/1999	Quảng Trị	Nữ	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01031	1030/17C1-2019		
965	Lê Trọng	Vũ	20/12/1998	Nghệ An	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01032	1031/17C1-2019		
966	Đặng Văn	Ý	04/10/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	VN	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2019	Trung bình	CĐ01033	1032/17C1-2019		
967	Lê Xuân	Cảnh	02/3/1999	Bình Định	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Khá	CĐ01034	1033/17C1-2019		
968	Vương Mạnh	Cường	25/8/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01035	1034/17C1-2019		
969	Đặng Trung	Đức	09/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01036	1035/17C1-2019		
970	Lê Hùng	Giới	29/9/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01037	1036/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghệ nghiệp	Xếp loại Tốt nghệ nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
971	Trần Trung	Hiếu	19/9/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01038	1037/17C1-2019		
972	Nguyễn Văn	Khâu	24/4/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Khá	CĐ01039	1038/17C1-2019		
973	Đào Anh	Phương	05/9/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01040	1039/17C1-2019		
974	Đặng Đoàn Việt	Quang	03/8/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01041	1040/17C1-2019		
975	Phan Quang	Quyền	11/4/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01042	1041/17C1-2019		
976	Dương Thành	Thắng	28/8/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01043	1042/17C1-2019		
977	Đặng Thị Thùy	Trang	15/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01044	1043/17C1-2019		
978	Lý Thanh	Tuấn	24/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01045	1044/17C1-2019		
979	Lê Thế	Vinh	02/3/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Khá	CĐ01046	1045/17C1-2019		
980	Trần Quốc	Vỹ	22/02/1998	Gia Lai	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01047	1046/17C1-2019		
981	Đỗ Thị Lan	Anh	04/11/1999	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01048	1047/17C1-2019		
982	Huỳnh Khánh	Đông	31/01/1997	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01049	1048/17C1-2019		
983	Hồ Công	Đức	21/01/1998	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01050	1049/17C1-2019		
984	Bùi Nhựt	Duy	02/4/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01051	1050/17C1-2019		
985	Nguyễn Đức	Duy	27/8/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01052	1051/17C1-2019		
986	Nguyễn Tô	Hiệu	08/6/1998	Nam Định	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Khá	CĐ01053	1052/17C1-2019		
987	Lê Minh	Khánh	11/12/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01054	1053/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghề	Xếp loại Tốt nghề	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
988	Nguyễn Thị Minh	Linh	07/12/1999	Thừa Thiên -Huế	Nữ	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01055	1054/17C1-2019		
989	Đỗ Thị Tuyết	Mai	09/11/1999	Nam Định	Nữ	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01056	1055/17C1-2019		
990	Ninh Công	Minh	28/12/1997	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Khá	CĐ01057	1056/17C1-2019		
991	Đặng Văn	Nghi	07/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01058	1057/17C1-2019		
992	Lương Công	Phi	20/11/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01059	1058/17C1-2019		
993	Nguyễn Trường	Phước	09/3/1998	Thanh Hoá	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01060	1059/17C1-2019		
994	Lê Quốc	Thái	01/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01061	1060/17C1-2019		
995	Triệu Văn	Thắng	14/10/1999	Cao Bằng	Nam	Tày	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01062	1061/17C1-2019		
996	Trương Tiểu	Thiên	12/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01063	1062/17C1-2019		
997	Nguyễn Minh	Trí	19/02/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01064	1063/17C1-2019		
998	Lê Hữu	Vương	14/6/1999	Đà Nẵng	Nam	Kinh	VN	Lập trình máy tính	2019	Trung bình	CĐ01065	1064/17C1-2019		
999	Võ Tuấn	Anh	28/02/1992	Lâm Đồng	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Trung bình	CĐ01066	1065/17C1-2019		
1000	Lê Quốc	Bình	24/01/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Trung bình	CĐ01067	1066/17C1-2019		
1001	Đoàn Văn	Cường	21/7/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Trung bình	CĐ01068	1067/17C1-2019		
1002	Đỗ Thành	Đạt	28/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Khá	CĐ01069	1068/17C1-2019		
1003	Nguyễn Ngọc	Khê	01/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Khá	CĐ01070	1069/17C1-2019		
1004	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	04/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Trung bình	CĐ01071	1070/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1005	Văn Hồ Mỹ	Linh	09/7/1999	Quảng Nam	Nữ	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Trung bình	CĐ01072	1071/17C1-2019		
1006	Huỳnh Thị Diễm	My	10/11/1999	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Khá	CĐ01073	1072/17C1-2019		
1007	Võ Văn	Quý	03/02/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Trung bình	CĐ01074	1073/17C1-2019		
1008	Ngô Minh	Quý	14/5/1998	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Trung bình	CĐ01075	1074/17C1-2019		
1009	Nguyễn Trường	Son	21/01/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Trung bình	CĐ01076	1075/17C1-2019		
1010	Lâm Minh	Thành	02/7/1999	Sóc Trăng	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Trung bình	CĐ01077	1076/17C1-2019		
1011	Vũ Kim	Thoại	29/3/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Khá	CĐ01078	1077/17C1-2019		
1012	Nguyễn Hữu	Tới	08/01/1996	Hà Nội	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Khá	CĐ01079	1078/17C1-2019		
1013	Nguyễn Minh	Trí	02/01/1999	Hà Nội	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Khá	CĐ01080	1079/17C1-2019		
1014	Bùi Quốc	Việt	20/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Giỏi	CĐ01081	1080/17C1-2019		
1015	Trần Hoàng	Vũ	23/7/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Trung bình	CĐ01082	1081/17C1-2019		
1016	Phạm Văn	Vượng	01/7/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Quản trị mạng máy tính	2019	Khá	CĐ01083	1082/17C1-2019		
1017	Hà Văn	Diễn	18/3/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	VN	Tin học ứng dụng	2019	Trung bình	CĐ01084	1083/17C1-2019		
1018	Phan Nhật Nam	Giang	30/4/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Tin học ứng dụng	2019	Khá	CĐ01085	1084/17C1-2019		
1019	Lê Trung	Hiếu	25/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Tin học ứng dụng	2019	Trung bình	CĐ01086	1085/17C1-2019		
1020	Lê Hữu	Nghĩa	12/6/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Tin học ứng dụng	2019	Trung bình	CĐ01087	1086/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghệp	Xếp loại Tốt nghệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1021	Nguyễn Thị Yến	Nhi	13/11/1999	Tiền Giang	Nữ	Kinh	VN	Tin học ứng dụng	2019	Khá	CĐ01088	1087/17C1-2019		
1022	Trà Minh	Phong	10/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Tin học ứng dụng	2019	Trung bình	CĐ01089	1088/17C1-2019		
1023	Võ Hoàng	Thọ	26/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Tin học ứng dụng	2019	Trung bình	CĐ01090	1089/17C1-2019		
1024	Nguyễn Hoàng	Toàn	30/4/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Tin học ứng dụng	2019	Trung bình	CĐ01091	1090/17C1-2019		
1025	Nguyễn Minh	Trí	20/11/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Tin học ứng dụng	2019	Khá	CĐ01092	1091/17C1-2019		
1026	Nguyễn Hữu	Vinh	28/10/1999	Long An	Nam	Kinh	VN	Tin học ứng dụng	2019	Khá	CĐ01093	1092/17C1-2019		
1027	Hứa Thị Kim	Anh	24/02/1999	Gia Lai	Nữ	Kinh	VN	Thiết kế trang Web	2019	Trung bình	CĐ01094	1093/17C1-2019		
1028	Trần Tấn	Cường	17/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Thiết kế trang Web	2019	Trung bình	CĐ01095	1094/17C1-2019		
1029	Nguyễn Xuân	Đạt	07/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Thiết kế trang Web	2019	Trung bình	CĐ01096	1095/17C1-2019		
1030	Lê Huỳnh	Đức	04/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Thiết kế trang Web	2019	Trung bình	CĐ01097	1096/17C1-2019		
1031	Huỳnh Minh	Hiếu	24/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Thiết kế trang Web	2019	Trung bình	CĐ01098	1097/17C1-2019		
1032	Lê Văn	Hữu	21/7/1998	Bình Thuận	Nam	Kinh	VN	Thiết kế trang Web	2019	Trung bình	CĐ01099	1098/17C1-2019		
1033	Trần Đăng	Khoa	18/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Thiết kế trang Web	2019	Trung bình	CĐ01100	1099/17C1-2019		
1034	Lê Nhật	Linh	25/8/1995	Lâm Đồng	Nam	Kinh	VN	Thiết kế trang Web	2019	Khá	CĐ01101	1100/17C1-2019		
1035	Đỗ Hồng	Quân	17/12/1996	Hà Nội (Hà tây cũ)	Nam	Kinh	VN	Thiết kế trang Web	2019	Trung bình	CĐ01102	1101/17C1-2019		
1036	Nguyễn Thanh	Vinh	08/01/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	VN	Thiết kế trang Web	2019	Trung bình	CĐ01103	1102/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1037	Trần Thị	Dương	08/5/1998	Hà Nam	Nữ	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Khá	CĐ01104	1103/17C1-2019		
1038	Hà Thị	Gấm	02/02/1999	Thừa Thiên -Huế	Nữ	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Khá	CĐ01105	1104/17C1-2019		
1039	Cao Minh	Huy	06/7/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Giỏi	CĐ01106	1105/17C1-2019		
1040	Nguyễn Chí	Khang	16/12/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Khá	CĐ01107	1106/17C1-2019		
1041	Phạm Thị Quốc	Khánh	02/9/1999	Hải Dương	Nữ	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Khá	CĐ01108	1107/17C1-2019		
1042	Trần Hà Nhật	Lan	10/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Giỏi	CĐ01109	1108/17C1-2019		
1043	Bùi Thị Hoài	Linh	20/5/1999	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Khá	CĐ01110	1109/17C1-2019		
1044	Đàm Mỹ	Linh	28/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	VN	Tiếng Anh	2019	Trung bình	CĐ01111	1110/17C1-2019		
1045	Nguyễn Thị Hương	Mai	05/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Khá	CĐ01112	1111/17C1-2019		
1046	Trần Thiện	Nhân	18/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Khá	CĐ01113	1112/17C1-2019		
1047	Lê Kim	Nhật	13/7/1999	Bình Dương	Nữ	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Trung bình	CĐ01114	1113/17C1-2019		
1048	Lê Minh	Nhật	16/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Giỏi	CĐ01115	1114/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghệp	Xếp loại Tốt nghệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1049	Nguyễn Thị Oanh	Nhi	24/4/1999	Trà Vinh	Nữ	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Khá	CĐ01116	1115/17C1-2019		
1050	Quang Lê Cát	Phụng	12/9/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Khá	CĐ01117	1116/17C1-2019		
1051	Từ Trinh Đông	Quỳnh	29/8/1999	Bến Tre	Nữ	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Khá	CĐ01118	1117/17C1-2019		
1052	Trần Thị Thanh	Thảo	22/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Khá	CĐ01119	1118/17C1-2019		
1053	Trương Thị	Thêm	24/8/1998	Ninh Thuận	Nữ	Chăm	VN	Tiếng Anh	2019	Trung bình	CĐ01120	1119/17C1-2019		
1054	Nguyễn Huỳnh Mẫn	Thi	06/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Giỏi	CĐ01121	1120/17C1-2019		
1055	Huỳnh Thị Mỹ	Thơm	27/6/1999	Bình Thuận	Nữ	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Trung bình	CĐ01122	1121/17C1-2019		
1056	Trương Đức	Thừa	01/01/1992	Kiên Giang	Nam	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Khá	CĐ01123	1122/17C1-2019		
1057	Nguyễn Hải	Thuận	20/4/1998	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Trung bình	CĐ01124	1123/17C1-2019		
1058	Trần Minh	Trí	07/3/1997	Thái Bình	Nam	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Trung bình	CĐ01125	1124/17C1-2019		
1059	Thạch Thị Mộng	Trinh	25/12/1999	Bình Phước	Nữ	Khmer	VN	Tiếng Anh	2019	Khá	CĐ01126	1125/17C1-2019		
1060	Trần Vũ Phương	Uyên	03/10/1999	Nam Định	Nữ	Kinh	VN	Tiếng Anh	2019	Khá	CĐ01127	1126/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1061	Nguyễn Thị Gia	Ân	11/7/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01128	1127/17C1-2019		
1062	Mai Thị Kim	Anh	01/11/1999	Thừa Thiên -Huế	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01129	1128/17C1-2019		
1063	Nguyễn Ngọc Quế	Cẩm	27/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Giỏi	CĐ01130	1129/17C1-2019		
1064	Trần Đức	Cảnh	05/10/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01131	1130/17C1-2019		
1065	Nguyễn Thị	Chung	04/12/1999	Nghệ An	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01132	1131/17C1-2019		
1066	Phan Ngọc	Hà	21/6/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01133	1132/17C1-2019		
1067	Phạm Thị Quỳnh	Hương	26/10/1999	Đồng Nai	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01134	1133/17C1-2019		
1068	Phan Thị Kim	Huyền	22/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01135	1134/17C1-2019		
1069	Nguyễn Thị Kim	Liên	03/10/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01136	1135/17C1-2019		
1070	Nguyễn Thị Yến	Loan	27/7/1998	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01137	1136/17C1-2019		
1071	Dương Thị Trà	My	10/8/1999	Bình Thuận	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01138	1137/17C1-2019		
1072	Đỗ Thị	Mỹ	15/10/1999	Quảng Nam	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01139	1138/17C1-2019		
1073	Nguyễn Thị Kim	Ngân	14/02/1998	An Giang	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01140	1139/17C1-2019		
1074	Trần	Nghiep	13/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01141	1140/17C1-2019		
1075	Nguyễn Đoàn Kim	Nguyên	11/02/1999	Tiền Giang	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01142	1141/17C1-2019		
1076	Nguyễn Thị Kiều	Nhung	05/11/1999	Long An	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Khá	CĐ01143	1142/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghệp	Xếp loại Tốt nghệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1077	Chu Thị Hoàng	Oanh	30/01/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01144	1143/17C1-2019		
1078	Nguyễn Thị Thu	Phượng	02/10/1999	Bình Thuận	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01145	1144/17C1-2019		
1079	Nguyễn Nhật	Quý	23/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01146	1145/17C1-2019		
1080	Cao Thị Thu	Tâm	01/9/1999	Bến Tre	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01147	1146/17C1-2019		
1081	Đàng Thị Mỹ	Thanh	28/11/1997	Ninh Thuận	Nữ	Chăm	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01148	1147/17C1-2019		
1082	Trương Đan	Thanh	03/3/1999	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Khá	CĐ01149	1148/17C1-2019		
1083	Lê Nhật	Thiên	14/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01150	1149/17C1-2019		
1084	Lưu Quốc	Thuận	03/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01151	1150/17C1-2019		
1085	Phạm Thị Kiều	Tiên	26/6/1999	Thừa Thiên -Huế	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01152	1151/17C1-2019		
1086	Tòng Thị Bích	Tiên	08/8/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01153	1152/17C1-2019		
1087	Nguyễn Quốc Ngọc	Trâm	23/9/1999	Thừa Thiên -Huế	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01154	1153/17C1-2019		
1088	Nguyễn Ngọc Ái	Trân	20/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01155	1154/17C1-2019		
1089	Đặng Minh	Tuấn	20/6/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01156	1155/17C1-2019		
1090	Đặng Thị Ánh	Tuyết	08/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01157	1156/17C1-2019		
1091	Lê Ngọc	Uyên	29/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Giỏi	CĐ01158	1157/17C1-2019		
1092	Đoàn Thị	Yến	27/12/1998	Thừa Thiên -Huế	Nữ	Kinh	VN	Kế toán doanh nghiệp	2019	Trung bình	CĐ01159	1158/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1093	Phan Bửu	An	20/12/1996	Bến Tre	Nam	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Trung bình	CĐ01160	1159/17C1-2019		
1094	Võ Thị Kim	Chi	17/4/1999	Quảng Trị	Nữ	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Giỏi	CĐ01161	1160/17C1-2019		
1095	Nguyễn Thị Mai	Dung	08/5/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Giỏi	CĐ01162	1161/17C1-2019		
1096	Phan Thị Thùy	Dương	07/3/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Giỏi	CĐ01163	1162/17C1-2019		
1097	Nguyễn Huỳnh Như	Hào	29/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Trung bình	CĐ01164	1163/17C1-2019		
1098	Nguyễn Thị	Huệ	08/8/1999	Nghệ An	Nữ	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Khá	CĐ01165	1164/17C1-2019		
1099	Nguyễn Công	Hùng	25/11/1998	Quảng Trị	Nam	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Khá	CĐ01166	1165/17C1-2019		
1100	Trần Tuấn	Kiệt	20/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Khá	CĐ01167	1166/17C1-2019		
1101	Tất Thang Ngọc	Linh	01/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Trung bình	CĐ01168	1167/17C1-2019		
1102	Mai Đình Khánh	Ngọc	30/3/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Khá	CĐ01169	1168/17C1-2019		
1103	Phan Tuấn	Nguyên	19/3/1995	Tiền Giang	Nam	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Khá	CĐ01170	1169/17C1-2019		
1104	Phạm Thị Hồng	Như	28/4/1999	Long An	Nữ	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Khá	CĐ01171	1170/17C1-2019		
1105	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	05/01/1998	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Giỏi	CĐ01172	1171/17C1-2019		
1106	Văn Thị Đan	Phượng	08/6/1998	Kiên Giang	Nữ	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Giỏi	CĐ01173	1172/17C1-2019		
1107	Phạm Ngọc	Thạch	02/6/1999	Thừa Thiên -Huế	Nam	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Trung bình	CĐ01174	1173/17C1-2019		
1108	Nguyễn Thị	Theo	03/01/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Khá	CĐ01175	1174/17C1-2019		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1109	Lê Thị Thùy	Trang	25/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Khá	CĐ01176	1175/17C1-2019		
1110	Nguyễn Tô Yến	Trúc	05/12/1999	Bình Thuận	Nữ	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Trung bình	CĐ01177	1176/17C1-2019		
1111	Huỳnh Phạm Trung	Tuấn	15/4/1999	Bình Phước	Nam	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Khá	CĐ01178	1177/17C1-2019		
1112	Khúc Văn	Tuấn	20/02/1998	Hải Phòng	Nam	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Trung bình	CĐ01179	1178/17C1-2019		
1113	Võ Thị Kim	Tuyền	25/7/1999	Trà Vinh	Nữ	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Giỏi	CĐ01181	1179/17C1-2019		
1114	Nguyễn Thị Như	Uyên	02/7/1999	Ninh Thuận	Nữ	Kinh	VN	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2019	Khá	CĐ01182	1180/17C1-2019		

Tổng cộng danh sách có 1.114 sinh viên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020
HIỆU TRƯỞNG